

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHẠM THỊ MỸ DUNG

**BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI
VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Luật kinh tế

Mã số : 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. LÊ MAI THANH

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tác giả luận văn

Phạm Thị Mỹ Dung

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ	6
1.1 Khái quát về quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	6
1.2 Nội dung bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	14
1.3 Cơ chế thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	19
1.4 Khung pháp luật bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam	23
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ	27
2.1 Thực trạng pháp luật xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý ..	27
2.2 Thực trạng pháp luật về nội dung quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	33
2.3 Thực trạng thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	41
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ	55
3.1 Phương hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	55
3.2 Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý	62
KẾT LUẬN	69
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	71

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

- BTA:** Bilateral Trade Agreement (Hiệp định BTA)
Hiệp định thương mại song phương Việt-Mỹ
- CDDL:** Chỉ dẫn địa lý
- EC:** European Community
Cộng đồng Châu Âu
- EVFTA:** Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU
- EU:** European Union
Liên minh Châu Âu
- Lisbon:** Lisbon Agreement for the Protection of Appellations of Origin and their International Registration
Thỏa ước Lisbon về đăng ký quốc tế và bảo hộ tên gọi xuất xứ năm 1958, sửa đổi bổ sung năm 1979
- SHCN:** Sở hữu công nghiệp
- SHTT:** Sở hữu trí tuệ
- TGXX:** Tên gọi xuất xứ
- TPP:** Trans-Pacific Partnership Agreement (Hiệp định TPP)
Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương
- TRIPs:** Agreement on Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights (Hiệp định TRIPs)
Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ
- WTO:** World Trade Organization (Tổ chức WTO)
Tổ chức thương mại Thế giới

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Năm 2016 là năm thứ 9 Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức WTO và Hiệp định TRIPs đã được ký kết, đánh dấu quá trình hội nhập của Việt Nam trong nền kinh tế toàn cầu. Trong Hiệp định này, cùng với thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ, sở hữu trí tuệ là một trong các trụ cột cơ bản, có vai trò quyết định trong việc đàm phán và thực hiện các cam kết quốc tế. Trong bảo hộ quyền SHTT ở Việt Nam những năm gần đây, xu hướng tích cực khai thác các đối tượng SHTT được ghi nhận đáng kể.

Từ thời xa xưa, lợi thế cạnh tranh trong thương mại của một sản phẩm so với sản phẩm khác chủ yếu là nhờ vào những đặc tính và chất lượng riêng biệt mà các điều kiện địa lý như khí hậu và địa chất của khu vực địa lý mang lại. Các vùng địa lý với các địa danh nổi tiếng đã mang lại lợi thế cho các sản phẩm cùng loại như rượu vang Bordeaux của Pháp, pha lê Bohemia của Cộng hòa Séc, xúc xích Frankfurter của Đức... Ngay cả ở Việt Nam, những sản phẩm quen thuộc với mọi người dân nhờ có sự gắn kết các địa danh như vải thiều Thanh Hà, bưởi Đoan Hùng, chè Tân Cương, nước mắm Phú Quốc, gôm Chu Đậu... Các địa danh đi kèm với các sản phẩm đã gợi cho người tiêu dùng nhớ đến không chỉ nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm mà còn nắm bắt được cả đặc tính, chất lượng đặc biệt của sản phẩm nhờ nguồn gốc địa lý đó. CDDL dần trở thành một chỉ dẫn thương mại mang tính chất vô hình của sản phẩm nhưng góp phần làm gia tăng giá trị cho sản phẩm và có vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống nói chung và trong hoạt động thương mại nói riêng.

Cùng với tiến trình toàn cầu hóa về kinh tế và tự do hóa về thương mại, các quốc gia trên thế giới ngày càng quan tâm tới việc đưa các sản phẩm của mình thâm nhập vào thị trường nước khác thông qua việc sử dụng CDDL. Tuy nhiên, do những lợi ích to lớn về thương mại mà CDDL mang lại cho người sử

dụng, mà các chủ thể khác vì mục đích lợi nhuận sẵn sàng tìm mọi cách để lợi dụng danh tiếng và uy tín đó, gây thiệt hại đáng kể cho các quốc gia sở hữu CDDL. Vì vậy, nhu cầu tăng cường nghiên cứu các vấn đề pháp lý về bảo hộ CDDL trong thương mại thông qua đề tài luận văn “*Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý theo pháp luật Việt Nam*” đáp ứng tính cấp thiết hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trên thế giới, thuật ngữ CDDL và các quy định liên quan đến việc bảo hộ đối tượng này lần đầu tiên được quy định trong Hiệp định TRIPs (năm 1994). Sau khi Hiệp định TRIPs ra đời, vấn đề bảo hộ CDDL ở mức độ quốc gia và quốc tế đã trở thành đề tài của nhiều cuộc tranh luận sôi nổi và quyết liệt trên bàn đàm phán WTO cũng như trong giới chuyên môn. Nhiều bài viết của các nhà luật học đã bàn luận về các quy định về bảo hộ CDDL trong Hiệp định TRIPs, cũng như sự tương thích trong pháp luật một số quốc gia đối với điều ước quốc tế quan trọng này. Trong số đó, một số tài liệu có giá trị cao như: Bảo hộ CDDL trong Hiệp định TRIPs - The protection of Geographical Indication in the TRIPs Agreement của Albrecht Conrad; CDDL và nhãn hiệu – con đường từ Doha - Geographical Indication and Trademarks - the road from Doha của Burkhardt Goebel [19]; và Mở rộng CDDL theo TRIPs: Tranh luận cũ hay Cơ hội mới - Expanding the Protection of Geographical Indications of Origin under TRIPs: Old Debate or New Opportunity của Irene Calboli [21]. Những công trình này chủ yếu nghiên cứu các quy định của Hiệp định TRIPs về bảo hộ CDDL và tương thích của pháp luật quốc gia với điều ước quốc tế quan trọng này.

Ở Việt Nam, bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL là vấn đề còn khá mới mẻ cả về lý luận và thực tiễn. Đã có một số đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án về SHTT nói chung, chủ yếu tập trung khai thác các vấn đề quản lý nhà nước về SHTT. Có rất nhiều luận án, công trình nghiên cứu đã đề cập đến khía cạnh pháp lý của quyền SHCN cũng như có nhiều chương trình, dự án đã và

đang được xây dựng nhằm nâng cao hiểu biết về quyền SHCN nói chung và về quyền SHCN đối với CDDL nói riêng, cụ thể là:

- Năm 2005, Đề tài nghiên cứu khoa học của Bộ Công thương về “Chỉ dẫn địa lý: các khía cạnh thương mại trong xuất khẩu” nghiên cứu vấn đề này dưới góc độ thương mại”. Đề tài này chỉ giới hạn trong hoạt động xuất khẩu các sản phẩm mang CDDL, các vấn đề lý luận về quyền SHCN đối với CDDL chưa được nghiên cứu;

- Năm 2007, Luận văn thạc sỹ luật học của Phạm Thanh Tuấn về “Đăng ký, quản lý và sử dụng CDDL ở Việt Nam” đã nghiên cứu vấn đề bảo hộ CDDL dưới góc độ khoa học pháp lý là chủ yếu [14];

- Năm 2008, Luận án tiến sĩ của Vũ Hải Yến về “Bảo hộ CDDL trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế” nghiên cứu vấn đề bảo hộ CDDL dưới góc độ pháp luật. Nội dung luận án tập trung chủ yếu vào vấn đề xác lập và bảo vệ quyền SHCN đối với CDDL [15].

- Năm 2010, Luận án tiến sỹ kinh tế của Lê Thu Hà về “Bảo hộ quyền SHCN dưới góc độ thương mại đối với CDDL của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế” cũng nghiên cứu sâu vấn đề bảo hộ CDDL dưới góc độ thương mại [9];

Thực tế, việc bảo hộ CDDL đòi hỏi phải có sự nghiên cứu đầy đủ và sâu sắc nhằm hoàn thiện pháp luật về bảo hộ và tăng cường hiệu quả thực thi quyền SHCN đối với CDDL. Vì vậy, trên cơ sở xác định thực trạng pháp luật SHCN và các ngành luật có liên quan, việc tiếp tục phân tích và nghiên cứu các vấn đề lý luận về bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL là nhu cầu cấp thiết hiện nay.

Việc bảo hộ SHTT nói chung và SHCN nói riêng trong thời gian gần đây mới bắt đầu được quan tâm nhưng chưa đúng mức. Đặc biệt đối với CDDL - một trong các đối tượng bảo hộ SHCN có rất ít bài viết, ít công trình nghiên cứu về vấn đề này ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong luận văn này chỉ tập trung nghiên cứu

sâu và phân tích việc bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích: Đề tài nghiên cứu một cách tổng thể các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về bảo hộ CDĐL nhằm tăng cường hiệu quả bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL ở Việt Nam.

Nhiệm vụ: Luận văn nghiên cứu về CDĐL, quyền SHCN đối với CDĐL và so sánh CDĐL với một số đối tượng SHCN khác. Trên cơ sở đó tìm hiểu về các quy định của hệ thống pháp luật quốc tế về CDĐL và các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về nội dung bảo hộ của CDĐL. Qua đó, đánh giá thực trạng của hoạt động bảo hộ CDĐL ở Việt Nam nhằm đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện pháp luật về bảo hộ CDĐL ở Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: là pháp luật về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL, thực tiễn thi hành về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL tại Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu: nghiên cứu pháp luật Việt nam về bảo hộ SHCN đối với CDĐL hiện hành mà không đi sâu vào các đối tượng có liên quan trước đó như TGXX và nghiên cứu pháp luật Việt nam về bảo hộ SHCN đối với CDĐL từ năm 2005 đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở phương pháp luận căn bản của việc nghiên cứu đề tài là chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác- Lênin.

Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận văn này là phương pháp phân tích, đánh giá, tổng hợp pháp luật Việt Nam hiện hành trong vấn đề bảo hộ CDĐL. Luận văn chỉ ra một số điểm hạn chế, bất cập của pháp luật Việt Nam về bảo hộ CDĐL, từ đó đưa ra một số giải pháp khắc phục để hoàn thiện các quy định pháp luật. Bên cạnh đó, luận văn còn sử dụng các phương pháp luận

học so sánh, lịch sử để làm rõ quá trình phát triển của vấn đề được nghiên cứu, để đánh giá sự tương thích của pháp luật Việt Nam so với pháp luật quốc tế.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Phân tích, đánh giá và rút ra kết luận từ nghiên cứu một cách có hệ thống những vấn đề lý luận chung về CDDL. Trong đó, đặc biệt là những yêu cầu mới của các điều ước quốc tế về bảo hộ CDDL trong mối quan hệ với các đối tượng SHCN khác.

Đánh giá những tác động tích cực và tiêu cực của bảo hộ quyền SHCN đối với CDDL theo pháp luật Việt Nam và các kết luận rút ra từ nghiên cứu thực trạng bảo hộ CDDL ở Việt Nam. Trên cơ sở xác định những yêu cầu của bảo hộ CDDL Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, luận văn đã đề xuất các quan điểm cần hoàn thiện trong hoạt động bảo hộ CDDL ở Việt Nam.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài Phần mở đầu và Kết luận, Luận văn được cơ cấu thành ba chương với nội dung cụ thể sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và pháp luật bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Chương 2: Thực trạng pháp luật bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

1.1 Khái quát về quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

1.1.1 Khái niệm quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

CDĐL là một đối tượng SHCN tương đối mới so với các đối tượng truyền thống như sáng chế và nhãn hiệu. Hiệp định TRIPs (1995) quy định trách nhiệm của các quốc gia thành viên phải bảo hộ các đối tượng là CDĐL. Các nước Châu Âu, điển hình là Pháp, đã có các quy định về công nhận và bảo hộ CDĐL từ đầu thế kỷ XX. Hiện nay, rất nhiều nước ngoài Châu Âu, trong đó có Việt Nam đã thiết lập hệ thống các quy định riêng để bảo hộ CDĐL.

Cuộc cách mạng công nghiệp cũng chứng kiến sự ra đời của nhãn hiệu hiện đại. Sự phát triển sản xuất công nghiệp quy mô lớn dẫn đến mong muốn của các nhà sản xuất riêng lẻ là phải phân biệt chính họ vừa là nơi xuất xứ của hàng hóa lại vừa là người đảm bảo chất lượng hàng hóa đó. Hệ thống nhãn hiệu đăng ký được phát triển cho phép các thương gia có quyền bảo vệ các nhãn hiệu của họ như tài sản riêng. Ngược với hệ thống này, hệ thống bảo hộ CDĐL trao quyền sử dụng CDĐL cho các nhà sản xuất bản địa đã được xác định.

Thuật ngữ “CDĐL” đã được đề cập trong Hiệp định TRIPs tại khoản 2 Điều 22 như sau: “CDĐL là những chỉ dẫn về hàng hóa có nguồn gốc từ lãnh thổ của một nước thành viên hoặc từ một khu vực hay địa phương trong lãnh thổ đó mà chất lượng, uy tín hay đặc tính khác của hàng hóa chủ yếu do xuất xứ địa lý quyết định”[32].

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 2 Quy chế của Hội đồng (EEC) số 2081/92 về bảo hộ CDĐL và tên gọi xuất xứ của sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm (Quy chế số 2081/92), CDĐL là tên một vùng, một địa phương hoặc một quốc gia được dùng để chỉ một nông sản hoặc thực phẩm (i) có nguồn gốc

từ vùng, địa phương, quốc gia đó; và (ii) có chất lượng hoặc danh tiếng có thể là do môi trường địa lý (gồm cả yếu tố tự nhiên và con người) quyết định [33].

CDĐL được định nghĩa trong Điều 16 của Luật Nhãn hiệu hàng hóa Trung Quốc là: dấu hiệu dùng để chỉ xuất xứ địa lý của hàng hóa mà chất lượng đặc thù, danh tiếng hoặc các phẩm chất khác của hàng hóa về cơ bản do yếu tố tự nhiên và văn hóa của vùng địa lý quyết định [34].

Theo quy định của Luật CDĐL Thái lan: CDĐL là tên, biểu tượng hoặc bất cứ một chỉ dẫn nào dùng để chỉ về một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, địa phương thuộc một quốc gia, và có khả năng phân biệt hàng hóa xuất xứ từ đó có chất lượng, danh tiếng hoặc các đặc tính khác chủ yếu do nguồn gốc địa lý tạo nên [35].

Luật về CDĐL của Malaysia năm 2000 quy định: CDĐL là những chỉ dẫn phân biệt bất cứ hàng hóa có nguồn gốc trong một quốc gia, lãnh thổ, một vùng, một địa phương trong quốc gia đó hoặc lãnh thổ đó, có chất lượng, danh tiếng hoặc các đặc tính khác của hàng hóa chủ yếu do nguồn gốc địa lý của hàng hóa quyết định [36].

Qua đó, có thể thấy dù quy định thế nào nhưng nhìn chung khái niệm CDĐL theo các điều ước quốc tế và luật pháp một số quốc gia đều thể hiện hai nội dung cơ bản sau đây:

(i) CDĐL là những chỉ dẫn về nguồn gốc của hàng hóa. Hàng hóa mang CDĐL bắt nguồn từ lãnh thổ, địa phương hay khu vực tương ứng với CDĐL;

(ii) Sản phẩm mang CDĐL phải có chất lượng, uy tín hay các đặc tính nhất định chủ yếu do xuất xứ địa lý của sản phẩm quyết định.

Pháp luật Việt Nam bắt đầu đề cập tới khái niệm tên gọi xuất xứ tại Nghị định 54/2000/NĐ-CP ngày 3/10/2000 của Chính phủ về việc bảo hộ quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh, CDĐL, tên thương mại và bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới SHCN. Mặc dù mới tiếp cận về khái niệm nhưng Nghị định đã quy định rất cụ thể, có thể hiểu CDĐL được bảo

hộ là thông tin về nguồn gốc địa lý của hàng hóa được thể hiện dưới dạng một từ ngữ, dấu hiệu, biểu tượng hoặc hình ảnh, dùng để chỉ một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, địa phương thuộc một quốc gia và được thể hiện trên hàng hóa, bao bì hàng hóa hay giấy tờ giao dịch liên quan tới việc mua bán hàng hóa nhằm chỉ dẫn rằng hàng hóa nói trên có nguồn gốc tại quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc địa phương mà đặc trưng về chất lượng, uy tín, danh tiếng hoặc các đặc tính khác của loại hàng hóa này có được chủ yếu là do nguồn gốc địa lý tạo nên.

Theo Điều 4 của Luật SHTT 2005 quy định: “CDĐL là dấu hiệu chỉ sản phẩm có nguồn gốc khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể”. Dấu hiệu này được hiểu là địa danh hoặc biểu tượng, hình ảnh liên hệ đến một địa phương. Như vậy, khái niệm về CDĐL theo pháp luật hiện hành của Việt Nam là hoàn toàn tương thích với Điều 22.1 của Hiệp định TRIPs. Theo quy định này, CDĐL không chỉ bao gồm tên địa lý mà bao gồm cả biểu tượng, hoặc hình ảnh/hình vẽ (chỉ dẫn gián tiếp) của một nước hoặc một địa phương.

1.1.2 Vai trò và đặc điểm của việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Bảo hộ CDĐL đóng vai trò quan trọng trong các mối quan hệ thương mại trên bình diện quốc gia và bình diện quốc tế. CDĐL gắn liền các sản phẩm tự nhiên và nông nghiệp, các sản phẩm thủ công và công nghiệp như: gỗ, đường, trái cây, rượu vang, cà phê, chè, thuốc lá, sản phẩm dệt may, đồ len... Do đó, CDĐL có thể góp phần tạo nên uy tín và danh tiếng cho một sản phẩm đối với người tiêu dùng và có thể trợ giúp rất lớn trong việc xúc tiến xuất khẩu hàng hóa.

Có thể nói, ý nghĩa quan trọng của cơ chế bảo hộ CDĐL là vấn đề không cần phải bàn cãi. Các nhà lập pháp lẫn giới kinh doanh đều đã thống nhất thừa nhận rằng SHCN vừa là công cụ điều khiển thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và khoa học công nghệ nói riêng. Hệ thống SHCN đã trở thành một bộ phận không thể thiếu trong bất kỳ nền kinh tế thị trường nào nếu nó không muốn trở nên hỗn loạn mà CDĐL lại là một trong các đối tượng của

quyền SHCN cần được quan tâm phát triển và bảo hộ. Vì vậy, việc bảo hộ mở rộng cho tất cả các đối tượng SHCN cũng vì thế cần được thiết lập và như một nhu cầu tất yếu của quá trình phát triển, hệ thống bảo hộ SHCN sẽ phải càng được mở rộng theo sự kéo dài của danh sách các đối tượng cần được bảo hộ. CDĐL là một trong những đối tượng cần được bảo hộ. CDĐL là một trong những đối tượng như vậy của cơ chế bảo hộ các đối tượng mới của SHCN.

Việc xây dựng và quản lý một CDĐL có thể mang lại hiệu quả kinh tế lớn, tạo ra giá trị gia tăng cho vùng địa lý đó. Ngoài việc sản phẩm mang CDĐL được bán với giá cao hơn các sản phẩm cùng loại khác, thì đồng thời vùng đó cũng sẽ phát triển thuận lợi được các dịch vụ khác, đặc biệt là du lịch. Ngoài ra, nó còn tác động tích cực đối với nông nghiệp và phát triển nông thôn mới, cụ thể là: tạo ra công ăn việc làm cho người dân vùng đó và giữ gìn được truyền thống văn hóa các làng nghề thông qua việc sản xuất sản phẩm có chất lượng đặc trưng bằng phương pháp, bí quyết và quy trình truyền thống.

Ngoài ra, việc bảo hộ pháp lý đối với những CDĐL là cần thiết do chúng luôn có nguy cơ bị làm giả. Việc làm hàng giả gắn liền với quyền SHCN và hàm chứa nguy cơ cao về sự giảm uy tín và gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Trong mọi trường hợp, hành vi làm hàng giả là một ví dụ rõ ràng về cạnh tranh không lành mạnh vì người làm hàng giả thu lợi từ danh tiếng của CDĐL. Nếu CDĐL được bảo hộ theo luật quốc gia, chúng ta có thể tránh được những người kinh doanh thương mại không trung thực, việc sử dụng lừa dối các CDĐL là không được phép trong trường hợp làm mất đi giá trị trong kinh doanh và quan trọng nhất là danh tiếng đối với sản phẩm mang CDĐL bị tổn hại.

Bên cạnh các đặc điểm giống như các đối tượng SHCN khác, quyền SHCN đối với CDĐL vẫn có một số đặc điểm riêng biệt như:

- Người sử dụng không phải là người chủ sở hữu CDĐL;

- Việc bảo hộ tại nước xuất xứ là điều cốt lõi, là nền tảng cho việc tồn tại và bảo hộ các CDDL. Đây là điều kiện tiên quyết cho sự bảo hộ trên phạm vi quốc tế.

- CDDL không bị giới hạn thời hạn bảo hộ nếu đối tượng bảo hộ là CDDL vẫn đáp ứng các điều kiện do pháp luật quy định.

- Quyền đối với CDDL không được chuyển nhượng và không được chuyển giao.

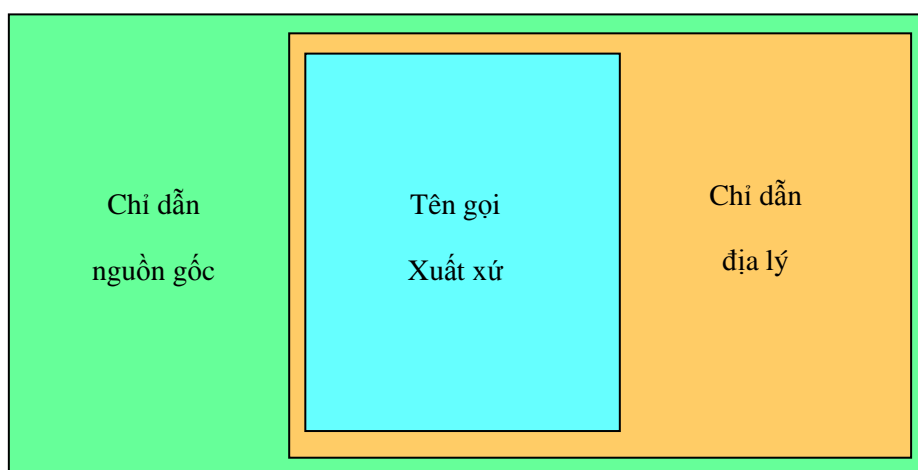
1.1.3 Môi quan hệ với một số đối tượng sở hữu công nghiệp khác

(i) Phân biệt CDDL với chỉ dẫn nguồn gốc và tên gọi xuất xứ

Năm 1883, Công Ước Paris về bảo hộ SHCN đã đưa TGXX, một dạng đặc biệt của CDDL vào danh mục các đối tượng SHCN được điều chỉnh theo Công Ước. Tuy nhiên trong Công Ước Paris về bảo hộ SHCN không có điều khoản nào nói đến khái niệm “CDDL” mà chỉ nêu tên “chỉ dẫn nguồn gốc” (Indication of Source) và “tên gọi xuất xứ hàng hóa” (Appellation of Origin). Sự khác biệt cơ bản giữa hai khái niệm chỉ dẫn nguồn gốc và tên gọi xuất xứ hàng hóa là chỉ dẫn nguồn gốc được thể hiện dưới bất kỳ hình thức nào: từ ngữ, dấu hiệu, hình ảnh, được dùng cho cả hàng hóa và dịch vụ. Hàng hóa mang chỉ dẫn nguồn gốc không nhất thiết phải có những đặc tính chất lượng đặc thù do yếu tố địa lý tạo nên. Trong khi đó TGXX hàng hóa được thể hiện dưới hình thức duy nhất là từ ngữ và chỉ được dùng cho hàng hóa. Điều quan trọng là hàng hóa đó phải có những đặc tính chất lượng đặc thù do môi trường địa lý tạo nên. Như vậy TGXX hàng hóa có thể được coi là một dạng đặc biệt của chỉ dẫn nguồn gốc.

Do khái niệm CDDL được cấu thành từ chỉ dẫn nguồn gốc và tên gọi xuất xứ hàng hóa nên nội dung CDDL cũng bao hàm các nội dung cơ bản của hai đối tượng trên. Chỉ dẫn nguồn gốc hàng hóa là chỉ dẫn xuất xứ hàng hóa từ một quốc gia hoặc từ địa điểm nhất định nào đó. TGXX hàng hóa là một loại chỉ dẫn nguồn gốc đặc biệt, trong đó chỉ dẫn tên địa lý của quốc gia, của địa phương, nơi hàng hóa được sản xuất với chất lượng và bản chất đặc trưng bởi yếu tố môi

trường địa lý, yếu tố tự nhiên và con người nơi sản xuất. Tên gọi xuất xứ và chỉ dẫn nguồn gốc hàng hóa là hai đối tượng SHCN được bảo hộ theo Công ước Paris. Điều 10 của Công ước Paris quy định nghĩa vụ của các nước thành viên phải ngăn chặn những hành vi trái với nguyên tắc trung thực trong kinh doanh, thương mại; cấm nhưng chỉ dẫn sai lệch gây mất uy tín cho đối thủ cạnh tranh; những chỉ dẫn gây nhầm lẫn về bản chất hoặc những thông tin sai lệch gây mất uy tín cho đối thủ cạnh tranh; những chỉ dẫn gây nhầm lẫn về bản chất hoặc những thông tin sai lệch về sản phẩm hàng hóa [37].



(ii) Phân biệt CDDL với nhãn hiệu

CDDL và nhãn hiệu đều là dấu hiệu có khả năng phân biệt dùng cho hàng hóa, dịch vụ trong lưu thông thương mại. Trên thực tế, nhiều CDDL được bảo hộ như một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu được bảo hộ có chứa CDDL cho cùng sản phẩm, hàng hóa.

Về cơ bản một nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ cùng loại của các doanh nghiệp khác nhau thì CDDL dùng để nhận biết nguồn gốc địa lý gắn liền với chất lượng, danh tiếng hoặc những đặc tính khác của một sản phẩm. Nếu chủ SHCN là cá nhân hoặc doanh nghiệp được độc quyền sử dụng, định đoạt nhãn hiệu, cấm người khác sử dụng hoặc cho phép sử dụng thì chủ sở hữu CDDL lại là nhà nước. Người sử dụng CDDL không có quyền chiếm hữu, định

đoạt mà chỉ được quyền sử dụng thông qua việc gắn CDĐL lên sản phẩm của mình. Nói cách khác, khái niệm chủ sở hữu CDĐL khác hoàn toàn so với chủ sở hữu nhãn hiệu, mỗi doanh nghiệp có trụ sở tại một khu vực địa lý nơi CDĐL được bảo hộ không được ngăn cản các doanh nghiệp khác ở cùng địa phương quyền sử dụng CDĐL này miễn là tuân chỉ các tiêu chuẩn chất định nhất định của sản phẩm.

Tuy nhiên, EU lại có cách giải thích mối quan hệ giữa nhãn hiệu và CDĐL theo khoản 5 Điều 24 của Hiệp định TRIPs một cách hoàn toàn khác. Các nước này cho rằng khoản 5 Điều 24 trong TRIPs quy định ngoại lệ cho nguyên tắc ưu tiên bảo hộ đối với CDĐL so với nhãn hiệu và cho rằng điều luật này cho phép sự đồng tồn tại giữa một nhãn hiệu có hiệu lực trước và một CDĐL tương tự hoặc trùng được bảo hộ sau và công nhận sự ưu tiên bảo hộ đối với CDĐL so với nhãn hiệu. Đối với rượu vang EU quy định việc ngừng sử dụng một nhãn hiệu đã đăng ký trước nêu chỉ dẫn có trong nhãn hiệu đó sau này được bảo hộ là CDĐL, đối với sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm: nhãn hiệu đăng ký trước sẽ vẫn được sử dụng song sẽ bị giới hạn khi có một CDĐL trùng hoặc tương tự đối với nhãn hiệu này được bảo hộ.

Hoa kỳ cũng ghi nhận và bảo hộ CDĐL, nhưng phương pháp tiếp cận khác với của EU. Mỹ bảo hộ CDĐL thông qua cơ chế nhãn hiệu, theo đó CDĐL có thể được bảo hộ như là nhãn hiệu thương mại, nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận mà nguyên tắc cơ bản là “ai đăng ký trước thì được trước”. Quan điểm này được thể hiện trong Hiệp định TPP mà 12 nước trong đó có Mỹ và Việt Nam ký vào ngày 2/2016. Trong khi đó CDĐL của EU lại không chấp nhận như vậy, coi CDĐL là một hình thức bảo hộ đặc thù, gắn liền với đặc điểm địa lý và cộng đồng cụ thể, không phải nhãn hiệu của riêng ai và tất nhiên không phải “ai đăng ký trước thì được trước”.

Mặc dù có nhìn theo quan điểm nào đi chăng nữa, CDĐL và nhãn hiệu vẫn có điểm tương đồng vì cả hai đều có thể đưa đến sự chỉ dẫn cho sản phẩm

khi được đưa ra thị trường. Chúng đều là công cụ đắc lực được các doanh nghiệp và quốc gia sử dụng ở quy mô chiến lược theo nhiều cách riêng của mình.

(iii) Phân biệt CDDL với tên thương mại

CDDL và tên thương mại có sự khác nhau ở chức năng của dấu hiệu, thủ tục xác lập quyền, tính hạn chế về phạm vi bảo hộ, vấn đề khai thác, sử dụng và quản lý. Tên thương mại là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh. Trong khi đó, CDDL là dấu hiệu (có thể là tên gọi, biểu tượng, hình ảnh tượng trưng...) dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.

Quyền SHCN đối với tên thương mại tự động được xác lập khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật mà không cần phải đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, có nghĩa là quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp tên thương mại đó. Trong khi đó, quyền SHCN đối với CDDL chỉ phát sinh trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Bên cạnh đó, tên thương mại có phạm vi bảo hộ hạn chế so với CDDL, bởi chỉ được bảo hộ trong phạm vi cùng một địa bàn hoạt động của các chủ thể kinh doanh, trong những lĩnh vực kinh doanh cùng loại hoặc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh mà tên thương mại đó được chủ sở hữu sử dụng. Không giống như tên thương mại, nhà nước trực tiếp thực hiện quyền quản lý CDDL hoặc trao quyền cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nhằm tổ chức và kiểm soát việc sử dụng CDDL có hiệu quả. Việc khai thác, quản lý và sử dụng CDDL phải tuân theo những quy định được đặt ra trong quy chế quản lý và sử dụng CDDL. Không phức tạp như CDDL, đối với tên thương mại thì hoàn toàn do chủ sở hữu tên thương mại tiến hành theo các quy định của pháp luật.

Ngoài ra, điểm khác biệt lớn so với CDĐL là quyền đối với tên thương mại chỉ được chuyển nhượng cùng với việc chuyển nhượng toàn bộ cơ sở kinh doanh và hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó.

1.2 Nội dung bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Như đã nói ở phần khái niệm bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL là việc Nhà nước, các chủ thể khai thác và sử dụng CDĐL, các cơ quan chức năng thông qua hệ thống pháp luật tiến hành các hoạt động liên quan đến việc xác lập, khai thác, quản lý và bảo vệ các chủ thể chống lại các hành vi xâm phạm quyền đối với CDĐL. Để làm rõ được nội dung bảo hộ của quyền SHCN đối với CDĐL cần phải phân tích ba khía cạnh sau:

1.2.1 Xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

CDĐL cung cấp cho khách hàng tiềm năng thông tin về sản phẩm được sản xuất ra trong điều kiện sản xuất đặc biệt, những đặc trưng riêng của khu vực đó, và khẳng định những đặc trưng đó của sản phẩm chỉ có thể có khi sử dụng sản phẩm của khu vực đó mà không có ở những khu vực khác. Khi nói đến CDĐL đó người ta nghĩ ngay đến sản phẩm mang CDĐL nghĩa là CDĐL có tác dụng tạo nên tên tuổi cho chính sản phẩm của địa phương có CDĐL đó.

Chính vì vậy, một CDĐL được bảo hộ về mặt pháp lý sẽ có tác dụng giúp cho nhà sản xuất nông sản có được các quyền để khai thác CDĐL này trong việc phát triển thị trường, thậm chí cả ở những thị trường có nhiều hàng nông sản có tính năng tương tự. Chủ thể quyền có thể sử dụng CDĐL này trong các cuộc đàm phán để ký kết các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu nông sản ra nước ngoài.

Nói cách khác, khi CDĐL được bảo hộ về mặt pháp lý sẽ chứng tỏ một đẳng cấp về chất lượng của sản phẩm. Ở đây chính là những sản phẩm nông nghiệp điển hình mà chất lượng của chúng được hình thành trên cơ sở đặc tính lãnh thổ, chẳng hạn như điều kiện về thổ nhưỡng, khí hậu, nguồn nước...

Xuất phát từ đặc thù CDĐL là tài sản quốc gia thuộc sở hữu duy nhất của Nhà nước và không ai được phép độc quyền sử dụng. Chính vì vậy, việc xác lập quyền SHCN đối với CDĐL có vai trò rất quan trọng: ngăn chặn việc sử dụng CDĐL đối với sản phẩm không có nguồn gốc từ nước, vùng, địa phương tương ứng; và ngăn chặn việc sử dụng CDĐL được bảo hộ cho hàng hoá không có tính chất, chất lượng đặc thù gắn liền với nước, vùng, địa phương đó.

1.2.2 Nội dung và giới hạn quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

CDĐL là thông tin về nguồn gốc địa lý của hàng hóa mà yếu tố địa lý thì tồn tại khách quan thuộc tài sản quốc gia chứ không do một cá nhân, tổ chức cụ thể nào sáng tạo ra. Chính vì vậy, CDĐL phải không thuộc sở hữu của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào và là đối tượng sử dụng chung (Điều 88 Luật SHTT). Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào sản xuất hàng hóa ở nước, vùng hoặc địa phương thỏa mãn các điều kiện quy định đều được quyền sử dụng CDĐL dùng cho hàng hóa đó. Vì CDĐL thuộc sở hữu duy nhất của Nhà nước, nên việc bảo hộ CDĐL được thực hiện theo một cơ chế khác với cơ chế bảo hộ các đối tượng SHCN khác.

Do đó, quyền SHCN đối với CDĐL không có quyền chiếm hữu và quyền định đoạt như trong quyền SHCN đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, mà chỉ là quyền sử dụng, cụ thể là quyền thể hiện chỉ dẫn đó trên hàng hóa, bao bì hàng hóa,...cho hàng hóa tương ứng. Ngay cả khi một tổ chức hay cá nhân nào đó đã có quyền sử dụng CDĐL thì quyền sử dụng đó không được phép chuyển giao cho người khác như quyền sở hữu của những đối tượng khác.

Ngoài ra, chủ thể được sử dụng hợp pháp CDĐL còn có quyền ngăn cấm người khác thực hiện hành vi xâm phạm như hành vi gây hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý, lợi dụng uy tín, danh tiếng của CDĐL để vi phạm hoặc sử dụng CDĐL cho hàng hóa không đáp ứng tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng đặc thù. “Chủ sở hữu đối tượng SHCN và tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng hoặc quyền quản lý CDĐL có quyền ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng SHCN”

nếu việc sử dụng đó là bất hợp pháp. Để phù hợp với thông lệ quốc tế, pháp luật Việt Nam qui định quyền đối với CDĐL không được phép chuyển giao.

Quyền sử dụng CDĐL được bảo hộ trong một thời hạn dài hay ngắn phụ thuộc vào việc các điều kiện đối với CDĐL có còn được đáp ứng hay không, chủ thể sử dụng CDĐL có tiếp tục tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại lãnh thổ quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc địa phương tương ứng với CDĐL và hàng hóa do người đó sản xuất có còn bảo đảm được những đặc tính, chất lượng đặc thù và uy tín hoặc danh tiếng vốn có của loại hàng hóa đó nữa hay không. Pháp luật không quy định một thời hạn cụ thể như đối với các đối tượng SHCN khác.

Bên cạnh quyền, tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL còn có nghĩa vụ phải bảo đảm tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm mang CDĐL. Các tổ chức, cá nhân đó còn phải thực hiện các yêu cầu và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra, giám định các tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm, hàng hóa mang CDĐL khi cần thiết.

TRIPs không qui định cụ thể quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng CDĐL mà để các quốc gia tự quy định. Đối với các quốc gia bảo hộ hình thức nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận, việc sử dụng nhãn hiệu phải tuân theo pháp luật bảo hộ nhãn hiệu tương ứng. Tuy nhiên, với các quốc gia bảo hộ CDĐL dưới hình thức đăng ký (các nước thuộc EU), quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng CDĐL gồm quyền sử dụng CDĐL, quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm và các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Quy chế quản lý, sử dụng CDĐL.

Căn cứ vào tính chất đặc thù của hàng hóa bắt nguồn từ một địa phương, một nước hoặc một khu vực, Hiệp định TRIPs đã quy định nghĩa vụ của một nước thành viên phải quy định các biện pháp pháp lý cho các bên liên quan nhằm ngăn chặn việc sử dụng các chỉ dẫn có khả năng chỉ dẫn một cách sai lệch về nguồn gốc địa lý thực sự của sản phẩm. Trong trường hợp có hành vi sử dụng các CDĐL sai lệch về nguồn gốc của sản phẩm, các nước thành viên có quyền từ

chối hoặc sử dụng biện pháp cứng rắn hơn là hủy hiệu lực đăng ký của một nhãn hiệu mang chỉ dẫn sai lệch đó. Theo Luật SHTT để đảm bảo tính chất đặc thù của hàng hóa mang CDDL trên thị trường, cơ chế kiểm soát năng lực và sản phẩm của các chủ thể sử dụng CDDL được thực hiện bởi tổ chức quản lý CDDL theo mô hình đang được áp dụng rất thành công tại các nước châu Âu.

Tuy nhiên quyền sử dụng đối với CDDL có thể bị hạn chế trên cơ sở thực hiện quyền hợp pháp của các chủ thể khác như quyền SHCN đối với nhãn hiệu được nộp đơn, quyền được sử dụng trước hoặc quyền sử dụng thông tin nguồn gốc địa lý một cách trung thực.

Để phù hợp, Luật SHTT đã quy định rất rõ ràng về vấn đề giải quyết xung đột giữa hai đối tượng này. Theo đó, một nhãn hiệu mang tính mô tả hoặc lừa dối về nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ không được chấp nhận đăng ký bảo hộ. Ngược lại, một CDDL trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với một nhãn hiệu đang được bảo hộ thì không được chấp nhận bảo hộ. Tuy nhiên, một nhãn hiệu đang được bảo hộ có thể bị hủy bỏ hiệu lực theo yêu cầu của người có liên quan dựa trên cơ sở nhãn hiệu đó mang tính mô tả hoặc lừa dối về nguồn gốc địa lý của hàng hóa, dịch vụ. Với những quy định này, Luật SHTT đã giải quyết triệt để mối quan hệ giữa bảo hộ nhãn hiệu với CDDL và phù hợp với các điều ước quốc tế. Điều này cũng được khẳng định tại Luật SHTT: *“Quyền SHCN có thể bị hủy bỏ hiệu lực hoặc bị cấm sử dụng nếu xung đột với quyền SHTT của tổ chức, cá nhân khác được xác lập trước”*.

Thực tiễn hiện nay trên thế giới cho thấy, đối với những nước bảo hộ CDDL dưới hình thức nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận, các hành vi không bị coi là xâm phạm quyền được áp dụng đối với nhãn hiệu đó là sử dụng nhãn hiệu không nhằm mục đích kinh doanh và sử dụng, lưu thông sản phẩm mang nhãn hiệu do chủ sở hữu nhãn hiệu, người được chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu đưa ra thị trường. Còn đối với những nước bảo hộ CDDL dưới hình thức đăng ký (các nước thuộc EU), Quy chế của Hội đồng EC số 2081/92

ngày 14/7/1992 về bảo hộ CDDL và tên gọi xuất xứ dùng cho nông sản và thực phẩm cho phép các Thành viên cho phép sử dụng các từ ngữ trùng hoặc tương tự với CDDL được bảo hộ trong một thời gian không quá năm năm sau ngày công bố Quy chế này, với điều kiện sản phẩm đã được đưa ra thị trường và sử dụng hợp pháp các từ ngữ đó trong thời gian ít nhất năm năm trước ngày công bố Quy chế này và việc ghi nhãn có chỉ dẫn rõ ràng về xuất xứ thật của sản phẩm. Tuy nhiên, ngoại lệ này không được dẫn đến việc đưa các sản phẩm một cách tự do ra thị trường của một Thành viên nơi từ ngữ như vậy bị cấm.

Việt Nam là thành viên của WTO, vì vậy, ngoài các thông lệ về hạn chế quyền với CDDL được áp dụng phổ biến, Việt Nam phải thi hành đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong TRIPs về vấn đề này và đây là qui định cần thiết của pháp luật Việt Nam trong nỗ lực hội nhập.

1.2.3 Thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Để bảo vệ quyền SHCN đối với CDDL, chủ thể quyền có thể thực hiện quyền tự bảo vệ hoặc yêu cầu các cơ quan thực thi xử lý hành vi xâm phạm quyền của mình bằng các biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự, hoặc yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu để phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi xuất nhập khẩu hàng hóa xâm phạm.

(i) Biện pháp dân sự

Xâm phạm quyền SHTT là xâm phạm quyền phổ biến, đặc biệt đối với quyền SHCN đối với CDDL, ở bất kỳ quốc gia nào, các biện pháp dân sự luôn đóng vai trò quan trọng. Hiệp định TRIPs và BTA quy định các biện pháp dân sự bao gồm đầy đủ các chế tài như: buộc chấm dứt hành vi vi phạm; buộc tiêu hủy hàng hóa vi phạm, phương tiện, nguyên vật liệu chủ yếu dùng để sản xuất hàng hóa vi phạm; buộc bồi thường thiệt hại; buộc xin lỗi cải chính công khai và biện pháp khẩn cấp tạm thời tiền tố tụng.

(ii) Biện pháp hành chính

Mặc dù biện pháp dân sự được áp dụng khá phổ biến, nhưng trong thực tiễn xử lý xâm phạm ở Việt Nam biện pháp hành chính lại là biện pháp được cơ quan chức năng áp dụng nhiều nhất. Khi quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền SHCN đối với CDDL bị xâm phạm thì họ có quyền gửi đơn yêu cầu cầu quan nhà nước có thẩm quyền xử lý những người có hành vi vi phạm.

Ngoài ra, biện pháp kiểm soát qua biên giới cũng là một trong các biện pháp được áp dụng khá phổ biến khi phát hiện hàng giả và hàng xâm phạm quyền SHCN tại biên giới. Đây là cũng là biện pháp hành chính đặc thù vì cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt là chỉ có cơ quan Hải quan.

(iii) Biện pháp hình sự

Biện pháp hình sự được áp dụng đối với các tội phạm gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội hoặc tái phạm khi đã bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị kết án nhưng chưa được xóa án tích và được quy định trong Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (nay là Bộ luật Hình sự năm 2015 thông qua vào ngày 27/11/2015 nhưng chưa có hiệu lực, sau đây gọi là Bộ luật Hình sự sửa đổi 2009). Tòa án hình sự có quyền áp dụng các biện pháp chế tài đó là phạt tiền và/hoặc phạt tù, cấm hành nghề, cấm đảm nhiệm chức vụ đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp chế tài về hành chính hoặc hình sự không loại trừ khả năng áp dụng các biện pháp chế tài khác về dân sự. Cụ thể là việc phạt tiền hoặc phạt tù không loại trừ khả năng áp dụng các chế tài dân sự là bồi thường thiệt hại đã gây ra cho chủ thể nắm giữ quyền.

1.3 Cơ chế thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Để thúc đẩy quyền SHCN đối với CDDL, Nhà nước giữ vai trò rất quan trọng nhất là đối với một nước nông nghiệp như nước ta. Nếu nhà nước có những chính sách đúng đắn sẽ khuyến khích, hỗ trợ các chủ thể quyền trong hoạt động sản xuất/kinh doanh của mình. Ngược lại những quy định không rõ ràng, rườm rà mang nặng tính hành chính sẽ cản trở quá trình xây dựng, đăng ký CDDL gây phiền hà cho các chủ thể quyền. Ngoài ra, còn phải kể đến vai trò

quan trọng của cơ chế thực thi quyền. Đây là trách nhiệm của rất nhiều cơ quan có liên quan đến việc bảo hộ quyền SHCN nói chung và quyền SHCN đối với CDDL nói riêng.

1.3.1 Cơ quan xác lập quyền

Cũng như các đối tượng SHCN truyền thống như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, cơ sở phát sinh việc xác lập quyền đối với CDDL là khi cơ quan quản lý Nhà nước về SHCN cấp văn bằng bảo hộ cho người nộp đơn đăng ký. Cục SHTT với vai trò là cơ quan quản lý Nhà nước sẽ xem xét đơn đăng ký và các tài liệu kèm theo (như bản mô tả tính chất, bản đồ khu vực địa lý...) từ đó đưa ra quyết định về việc có cấp văn bằng bảo hộ cho CDDL này hay không.

Xuất phát từ ý thức về sự tồn tại một di sản chung đã thúc đẩy tổ chức đại diện cho các nhà sản xuất đề nghị với cơ quan chức năng của nhà nước yêu cầu công nhận sản phẩm. Yêu cầu công nhận này sẽ được nhà nước thẩm định, có sự trợ giúp của các chuyên gia trên cơ sở đáp ứng được điều kiện cơ bản đó là khẳng định cơ sở pháp lý của quyền SHCN đối với CDDL.

1.3.2 Chủ thể khai thác và sử dụng quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Chủ sở hữu CDDL của Việt Nam là Nhà nước. Nhà nước trao quyền sử dụng CDDL cho tổ chức, cá nhân tiến hành việc sản xuất sản phẩm mang CDDL tại địa phương tương ứng và đưa sản phẩm đó ra thị trường. Nhà nước trực tiếp thực hiện quyền quản lý CDDL cho tổ chức đại diện quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDDL.

Tổ chức được trao quyền quản lý CDDL có quyền cho phép người khác sử dụng CDDL đó theo quy định của pháp luật. Các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng hoặc tổ chức được trao quyền quản lý có quyền ngăn cấm người khác sử dụng CDDL đó theo quy định pháp luật hiện hành. Trên cơ sở những quyền được pháp luật cho phép, người sử dụng CDDL có quyền ngăn cấm việc sử dụng bất kỳ dấu hiệu nào trùng hoặc tương tự với CDDL được bảo hộ cho sản

phẩm không có nguồn gốc từ khu vực địa lý mang CDDL đó làm cho người tiêu dùng hiểu sai rằng sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực địa lý đó, cũng như sử dụng CDDL được bảo hộ cho sản phẩm tương tự với sản phẩm mang CDDL được bảo hộ với mục đích lợi dụng uy tín để thu lợi nhuận không chính đáng.

Cùng với vai trò không thể thiếu của mình, những nhà sản xuất với kinh nghiệm và cách làm đặc biệt của những người sống trong vùng địa lý này là một trong những người duy nhất có thể đánh giá được rằng sản phẩm của họ có đầy đủ các đặc tính và chất lượng riêng có của sản phẩm và những sản phẩm đó có xuất xứ địa lý được công nhận hay không. Sự tồn tại của sản phẩm mang CDDL có thể nói cơ bản dựa vào sự cải thiện không ngừng về chất lượng từ phía những người làm nghề và sự cải thiện này đòi hỏi phải tích lũy từ nhiều năm kinh nghiệm, qua sự so sánh kiên trì từ các kết quả đã đạt được của nhiều thế hệ nhà sản xuất và người phán xét cuối cùng đối với sản phẩm chính là người tiêu dùng với sự tin cậy. Sự lựa chọn của người tiêu dùng sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển và sự khuyếch trương của sản phẩm. Chất lượng sản phẩm và việc cải thiện chất lượng đó chỉ có thể có khi việc kiểm soát được tiến hành chặt chẽ, trong đó những người làm nghề- nhà sản xuất và là người trực tiếp có quyền sử dụng CDDL đóng vai trò hết sức quan trọng.

Hiệp định TRIPs không quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người có quyền sử dụng CDDL. Trên thực tế tại một số nước trên thế giới hiện nay, đối với những nước bảo hộ CDDL dưới hình thức nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận, việc sử dụng nhãn hiệu phải tuân theo Quy chế sử dụng nhãn hiệu và do chủ sở hữu nhãn hiệu kiểm soát. Đối với những nước bảo hộ CDDL dưới hình thức đăng ký (các nước thuộc EU), quyền và nghĩa vụ của người đó có quyền sử dụng CDDL và pháp luật Việt Nam cũng áp dụng tương tự như vậy. Nội dung quyền SHCN đối với CDDL được thể hiện ở các quyền cơ bản sau: Quyền sử dụng CDDL; Quyền ngăn cấm người khác sử dụng CDDL; và Quyền yêu cầu xử lý vi phạm.

Song song với các quyền được hưởng, tổ chức và cá nhân có quyền sử dụng CDDL cũng có các nghĩa vụ của mình. Đó là họ phải bảo đảm chất lượng, uy tín, danh tiếng của hàng hóa mang CDDL và không ngừng xây dựng và phát triển để sản phẩm khẳng định giá trị của mình trong mắt người tiêu dùng.

1.3.3 Cơ quan thực thi quyền

Các biện pháp mà cơ quan nhà nước áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm đó là biện pháp dân sự, hình sự hoặc hành chính. Tương ứng với các biện pháp đó, chủ thể quyền có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan tiến hành các thủ tục pháp lý tiếp theo.

Như đã phân tích ở trên, vì bản chất của xâm phạm quyền SHCN đối với CDDL là quyền dân sự cho nên biện pháp này luôn đóng vai trò chủ đạo. Đây là phương thức bảo vệ quyền vừa ngăn chặn được hành vi vi phạm, vừa có thể khắc phục được thiệt hại qua chế tài bồi thường thiệt hại. Bởi vì tổ chức quản lý tập thể, tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng CDDL đều có quyền chủ động ngăn cấm người khác thực hiện hành vi xâm phạm đối với CDDL đó thông qua việc khởi kiện để yêu cầu Tòa án dân sự bảo vệ.

Bên cạnh đó, quyền ngăn cấm còn thể hiện ở quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp hành chính để xử lý hành vi vi phạm đối với CDDL.

Lực lượng đầu tiên có thẩm quyền xử phạt các vụ vi phạm quyền SHCN là thanh tra khoa học và công nghệ. Đây là những cán bộ ít nhiều tiếp xúc với khoa học và công nghệ nói chung và về SHCN nói riêng. Do đó, đây chính là lực lượng nòng cốt trong việc xử phạt các hành vi vi phạm về quyền SHCN đối với CDDL tại địa phương.

Bên cạnh đó, cơ quan quản lý thị trường (sau đây gọi là QLTT) là một trong những lực lượng được giao nhiệm vụ thực thi quyền SHCN đối với CDDL. Lực lượng quản lý thị trường có chức năng kiểm tra, kiểm soát hàng hóa lưu thông trên thị trường và được quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với hàng

hóa xâm phạm quyền đối với CDĐL. Như vậy, chức năng, vai trò của lực lượng QLTT trong việc bảo hộ SHCN được quy định rất rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước. Nhiệm vụ “chống hàng giả mạo về SHTT” của lực lượng QLTT chính là nhiệm vụ chống các hành vi xâm phạm quyền SHCN.

Nếu cơ quan thanh tra chuyên môn khoa học và công nghệ, QLTT, cảnh sát kinh tế, UBND có thẩm quyền áp dụng biện pháp hành chính đối với các hành vi vi phạm về SHCN xảy ra trong lĩnh vực nội địa thì Hải quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp hành chính đối với các vi phạm, xâm phạm về SHTT nói chung và SHCN nói riêng xảy ra ở biên giới. Thực thi bảo hộ quyền SHTT tại biên giới, thực chất là việc cơ quan Hải quan ngăn chặn, không cho phép thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu vi phạm quyền SHTT nói chung, hàng hóa giả mạo CDĐL nói riêng và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Cuối cùng phải kể đến vai trò không kém phần quan trọng của Tòa án ở các cấp, khi xét xử các vụ án hành chính liên quan đến quyền SHCN hoặc buộc bên có hành vi vi phạm phải chấm dứt các hành vi vi phạm hoặc xác định trách nhiệm BTTH trong các vụ án dân sự.

1.4 Khung pháp luật quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý tại Việt Nam

Trên thế giới hiện nay có nhiều hệ thống pháp luật khác nhau để bảo hộ CDĐL. Theo đánh giá của WIPO, quyền SHTT đối với các loại chỉ dẫn xuất xứ của hàng hóa được bảo hộ theo các luật quốc gia thường thể hiện dưới ba hình thức pháp lý cơ bản. Đó là theo hệ thống pháp luật riêng về bảo hộ TGXX/CDĐL; pháp luật về nhãn hiệu; và pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh.

Ở Việt Nam, quyền SHCN nói chung và quyền SHCN đối với CDĐL là một quyền tài sản và là quyền dân sự nên vẫn được điều chỉnh trên cơ sở nền tảng là Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, Bộ luật Dân sự không điều chỉnh trực tiếp mà dẫn chiếu Luật chuyên ngành điều chỉnh (Luật SHTT 2005). Bên cạnh đó là hệ

thống các văn bản quy định và hướng dẫn chi tiết về việc quyền SHCN, việc xác lập, khai thác và thực thi quyền SHCN như:

Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật SHTT liên quan đến SHCN; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật SHTT về bảo vệ quyền SHTT và quản lý nhà nước về SHTT; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCHN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật SHTT liên quan đến SHCN; quy định về các hành vi xâm phạm trong lĩnh vực SHCN được quy định chi tiết trong Nghị định 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2016 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN (Nghị định 99); và Thông tư 11/2015/TT-BKHCHN ngày 26/6/2015 qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 99.

Bên cạnh đó còn áp dụng các điều luật trong các luật chuyên ngành như: Với các tội danh liên quan đến hành vi sản xuất và bán buôn hàng hóa giả mạo CDĐL thì được quy định trong điều 171 Bộ luật Hình sự sửa đổi 2009. Với các tội danh liên quan đến hành vi vi phạm tại biên giới theo quy định tại Điều 73 Luật Hải Quan 2015 khi phát hiện hàng hóa xuất nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền SHTT thì chủ thể quyền có quyền đề nghị Hải quan áp dụng các biện pháp chuyên môn để xử lý.

Trên thực tế trong quá trình hình thành và phát triển việc bảo hộ CDĐL, Việt Nam là thành viên của nhiều Điều ước quốc tế liên quan đến việc bảo hộ CDĐL. Việc tham gia các Điều ước này đồng nghĩa với việc Việt Nam phải tuân thủ theo các quy định trong Điều ước và xây dựng các quy định pháp luật sao cho tương thích với các Điều ước mà mình đã ký kết. Theo điều 1(2) của Công ước Paris, 1983 chỉ dẫn nguồn gốc và TGXX hàng hóa là hai trong số các đối tượng SHCN được bảo hộ. Tuy nhiên Công ước này chưa đề cập đến các trường

hợp sử dụng chỉ dẫn né tránh bằng cách thêm vào chỉ dẫn nổi tiếng của nơi khác như các từ “phỏng theo”, “loại”, “kiểu” cùng với nơi sản xuất thật của hàng hóa. Công ước cũng chưa đề cập đến vấn đề chỉ dẫn nguồn gốc trở thành tên gọi chung của hàng hóa đó hoặc chỉ dẫn trung thực nhưng gây nhầm lẫn.

Khái niệm “chỉ dẫn địa lý” lần đầu tiên được nêu ra trong Thỏa thuận LISBON ngày 31/10/1958 và được sử dụng cho đến nay, nhất là trong các văn bản của Pháp và Châu Âu. Quá trình pháp điển hóa khái niệm CDĐL được ghi nhận theo TRIPs, theo đó, tại khoản 1 Điều 22 Hiệp định TRIPs khẳng định: *“Chỉ dẫn địa lý là những chỉ dẫn về hàng hóa có nguồn gốc từ lãnh thổ của một thành viên hoặc từ một khu vực hoặc địa phương trong lãnh thổ đó mà chất lượng, uy tín hoặc đặc tính khác của hàng hóa chủ yếu do xuất xứ địa lý quyết định”*. Thuật ngữ CDĐL được đưa ra trong Hiệp định TRIPs là nhằm đạt được sự bảo hộ rộng nhất cho CDĐL. Theo đó tiêu chuẩn để được bảo hộ với tư cách là CDĐL là chỉ dẫn đó phải xác định được một sản phẩm có nguồn gốc từ lãnh thổ của một thành viên hoặc từ khu vực hay địa phương của lãnh thổ đó và chất lượng, uy tín hoặc đặc tính khác của sản phẩm đó chủ yếu gắn với xuất xứ địa lý của nó. Đặc biệt trong Hiệp định TPP (đã ký 2/2016), CDĐL là đối tượng đặc biệt quan trọng cho nên cần phải được bảo hộ theo cách thức đặc thù nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho quốc gia nông nghiệp như Việt Nam.

Kết luận Chương 1

CDĐL là công cụ tuyệt vời nhất đối với sự phát triển kinh tế khu vực hay kinh tế cộng đồng. Vì vậy, bất cứ một địa phương nào có một đặc sản được coi là gắn với địa phương mình và giữa sản phẩm và địa phương có một mối liên hệ về chất lượng đều nên cân nhắc các lợi thế của việc sử dụng CDĐL để phân biệt với sản phẩm cạnh tranh chất lượng thấp hơn, xuất xứ từ nơi khác. ở Việt Nam, bảo hộ CDĐL là một vấn đề mới nên đại đa số từ cán bộ quản lý đến người sản xuất kinh doanh đều chưa hiểu hết ý nghĩa, nội dung cũng như lợi ích của việc

bảo hộ này mang lại cho bản thân mình. Những quy định về làng nghề, các hiệp hội, tổ chức quản lý tập thể, về các biện pháp áp dụng khi có hành vi vi phạm của người không được phép sử dụng CDDL để các tổ chức quản lý cũng như tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng CDDL căn cứ vào đó thực hiện nhằm đăng ký bảo hộ, giữ gìn cũng như phát triển CDDL cũng chưa được quan tâm đầy đủ và phù hợp. Thời gian qua, việc kiểm soát chất lượng cũng như các quy định liên quan đến việc kiểm soát chất lượng nhằm đảm bảo sản phẩm đủ tiêu chuẩn đối với từng CDDL được các nhà lập pháp quan tâm một cách thích đáng.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

2.1 Thực trạng pháp luật xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Kế thừa các qui định pháp luật từ trước năm 2005, Luật SHTT được ban hành và chính thức có hiệu lực từ ngày 1/7/2006, theo đó để được bảo hộ CDĐL phải được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Điều này có nghĩa là quyền SHCN đối với CDĐL phát sinh tại thời điểm ra quyết định cấp Văn bằng bảo hộ theo thủ tục đăng ký. Vì Luật SHTT khẳng định quyền sở hữu CDĐL duy nhất thuộc về nhà nước cho nên “*quyền đăng ký CDĐL của Việt Nam thuộc về Nhà nước*” tuy nhiên “*Nhà nước cho phép tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang CDĐL, tổ chức tập thể đại diện cho các tổ chức, cá nhân đó hoặc cơ quan quản lý hành chính địa phương nơi có CDĐL thực hiện quyền đăng ký...*”. Quy định này hoàn toàn giống với những quy định trước kia đó là việc cho phép tổ chức và cá nhân sản xuất sản phẩm mang CDĐL và cơ quan hành chính nơi có CDĐL được quyền lập hồ sơ và thực hiện thủ tục đăng ký bảo hộ đối với CDĐL đó. Tuy nhiên Luật SHTT cũng bổ sung thêm việc cho phép các *tổ chức tập thể đại diện cho các tổ chức, cá nhân* sản xuất sản phẩm mang CDĐL thực hiện quyền nộp đơn này.

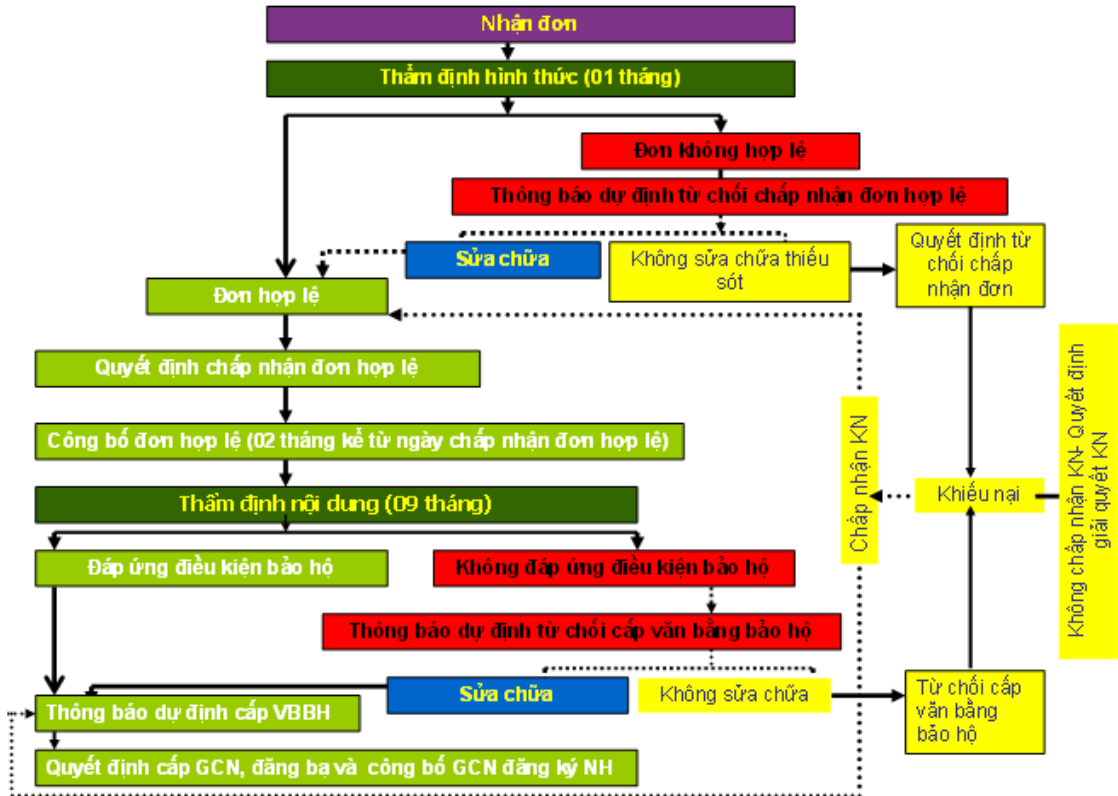
Trên thế giới có nhiều cách tiếp cận khác nhau để bảo hộ CDĐL, do đó căn cứ phát sinh quyền đối với CDĐL cũng khác nhau. Đối với hệ thống đăng ký xác lập quyền đối với CDĐL và đăng ký dưới hình thức nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận, quyền đối với CDĐL chỉ phát sinh trên cơ sở đăng ký. Đối với hệ thống bảo hộ theo nguyên tắc chống cạnh tranh không lành mạnh, quyền đối với CDĐL tự động phát sinh và chủ thể có quyền sử dụng phải chứng minh điều kiện xác lập quyền. Tuy nhiên, kinh nghiệm của các nước trên thế giới

cho thấy rằng việc bảo hộ TGXX hàng hóa và CDDL trên cơ sở đăng ký là có hiệu quả và dễ bảo đảm thực thi quyền nhất.

Mặc dù có nhiều cách bảo hộ CDDL, nhưng thực tiễn đã chứng minh hệ thống đăng ký CDDL và việc đăng ký CDDL là nền tảng pháp lý vững chắc nhất cho việc bảo hộ một CDDL. Do ý nghĩa vô cùng quan trọng của CDDL trong sự phát triển kinh tế, sự bảo hộ CDDL theo cơ chế đăng ký luôn được hưởng sự bảo hộ đầy đủ và hiệu quả nhất. Để được hưởng sự bảo hộ này người sử dụng CDDL, hiệp hội hay các cơ quan quản lý địa phương nơi có CDDL phải tiến hành thủ tục đăng ký bảo hộ CDDL đó tại cơ quan có thẩm quyền.

Quy định về thủ tục đăng ký bảo hộ CDDL ở Việt Nam được quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật SHTT liên quan đến SHCN (sau đây gọi tắt là Thông tư 01). Nội dung của Thông tư này đã đơn giản hóa rất nhiều về thủ tục hành chính đặc biệt là bổ sung thêm quy định về việc người nộp đơn khi tiến hành thủ tục xác lập quyền phải xác định rõ tổ chức quản lý CDDL. Đây là một quy định mới nhằm xác định rõ chủ thể quản lý của CDDL được đăng ký. Bên cạnh đó nếu trước kia việc xác nhận Bản mô tả chỉ qui định chung chung là do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì nay theo quy định của Luật SHTT, Bản mô tả do Ủy ban nhân dân (sau đây gọi là UBND) tỉnh có CDDL xác nhận. “Bản mô tả tính chất đặc thù phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp tỉnh xác nhận phù hợp với kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế của cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực tương ứng về tính chất, chất lượng đặc thù và/ hoặc danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và các yếu tố đặc trưng của điều kiện tự nhiên tạo nên tính chất, chất lượng đặc thù và/hoặc danh tiếng đó”. Có thể nói đây là quy định hợp lý vì UBND nơi có CDDL là cơ quan hiểu rõ hơn ai hết tính chất, chất lượng, đặc tính của CDDL đó.

Quy trình đăng ký xác lập quyền SHCN đối với CDĐL được cụ thể qua bảng dưới đây: [16, tr 31]



Việc quy định về thẩm định và thẩm định lại nội dung đơn theo quy định tại Điểm 15 và 16 của Thông tư 01 còn một số khiếm khuyết như thời hạn thẩm định nội dung đơn quá dài đối với nhu cầu của công chúng (6 tháng kể từ ngày ký thông báo chấp nhận đơn hợp lệ). Đồng thời, các quy định về thẩm định nội dung đơn chưa có các quy định về nguyên tắc, trình tự đánh giá đối tượng xin bảo hộ trong đơn theo tiêu chuẩn áp dụng đối với từng loại đơn (một phần nội dung này hiện chỉ có trong quy chế thẩm định do Cục SHTT ban hành nên chỉ được coi là hướng dẫn nghiệp vụ thẩm định, nên không có giá trị pháp lý).

Đó là chưa kể đến nhưng quy định chung chung, thiếu rõ ràng và rất dễ dẫn đến sự lạm quyền của cơ quan đăng ký trong quá trình thẩm định đơn như quy định về việc thẩm định lại đơn là đối với “*những vụ việc phức tạp*” thì thời hạn thẩm định lại đơn có thể kéo dài “*nhưng không quá thời hạn thẩm định lần đầu*” (điểm 16.1b). Tuy nhiên, để giải thích thế nào là những vụ việc phức tạp lại

không có qui định nào hướng dẫn. Ví dụ như qui định về việc từ chối chấp nhận đơn, điểm 13.7 Thông tư 01 quy định: “*Trường hợp người nộp đơn đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi thông báo dự định từ chối chấp nhận đơn hợp lệ...mà người nộp đơn không sửa chữa thiếu sót hoặc sửa chữa không đạt yêu cầu hoặc không có ý kiến phản đối hoặc ý kiến phản đối không xác đáng...*” thì sẽ bị Cục SHTT từ chối chấp nhận đơn. Cũng tương tự như quy định về việc thẩm định lại đơn, việc qui định cụ thể thế nào là “*sửa chữa không đạt yêu cầu*” hay thế nào là “*ý kiến phản đối không xác đáng*” thì lại chưa qui định chi tiết.

Từ vụ việc điển hình CDĐL “Cà phê Buôn Ma Thuột” là chỉ dẫn cho cà phê nhân, một sản phẩm nổi tiếng và có chất lượng đặc thù của Tây nguyên nói chung và của Daklak nói riêng. Hiện nay, Hiệp hội cà phê Buôn Ma Thuột đã được thành lập và sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát chất lượng, quy trình sản xuất cà phê. Hiệp hội cũng đã phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công Nghệ Daklak trong việc cấp quyền sử dụng CDĐL “Buôn Ma Thuột” cho các doanh nghiệp có đăng ký. Dự kiến sản lượng cà phê Buôn Ma Thuột sẽ đạt khoảng 8000-10000 tấn trong tương lai gần. Tuy nhiên, một trong những khó khăn của CDĐL Buôn Ma Thuột là chỉ bảo hộ sản phẩm cà phê nhân, điều này đã hạn chế sự phát triển của CDĐL, do đó, hiện nay UBND tỉnh Daklak đang thực hiện các thủ tục cần thiết để đề nghị bảo hộ CDĐL cho cà phê bột [15,tr.10].

Có một thực tế là việc đăng ký CDĐL cho một sản phẩm đòi hỏi khá nhiều công đoạn. Trước hết phải xác định tên gọi sản phẩm đó là gì. Tên gọi đó lại phải đáp ứng được điều kiện và phản ánh đúng phẩm chất sản phẩm được tạo nên bởi điều kiện địa lý của một vùng, một quốc gia. Tiếp sau đó là những đặc trưng về quy trình sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, việc đăng ký CDĐL cho một sản phẩm đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều cơ quan, ban ngành khác nhau. Chính sự phức tạp trong quá trình đăng ký đã khiến cho nhiều sản phẩm bị chậm trễ trong việc đăng ký bảo hộ CDĐL. Đặc biệt là

chúng ta lại đang thiếu các tiêu chí xác định sản phẩm và vùng sản xuất vì các địa phương muốn đăng ký bảo hộ CDDL cho một sản phẩm của mình ngoài việc xác định được tên gọi, đặc điểm, chất lượng, đặc trưng về quy trình sản xuất còn phải xác định một cách rõ ràng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm đó.

Đối với thẩm quyền của cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến việc cấp Văn bằng bảo hộ CDDL, pháp luật Việt Nam vẫn còn một số bất cập. Không có một điều khoản nào quy định cơ quan đăng ký gặp và trao đổi với người nộp đơn về việc thẩm định đơn. Cũng vì vậy, các quy định của pháp luật, đặc biệt là các quy định về thủ tục đăng ký do cơ quan đăng ký ban hành thường có xu hướng thiếu cụ thể, đôi khi sơ sài. Quan hệ giữa Cục SHTT và người nộp đơn đăng ký mang đậm nét quan hệ hành chính, mệnh lệnh phục tùng. Khi cán bộ Cục SHTT đưa ra một yêu cầu liên quan đến quá trình đăng ký CDDL thì người nộp đơn thường tìm cách đáp ứng yêu cầu đó và không cần phải biết lý do có cần thiết không. Việc quy định hoạt động thẩm định đơn chỉ được thực hiện bởi cơ quan đăng ký cũng có phần chưa hợp lý bởi cơ quan đăng ký vừa là cơ quan thẩm định tiêu chuẩn đăng ký vừa là cơ quan ra quyết định cấp văn bằng và cũng vừa là cơ quan giải quyết khiếu nại về hoạt động đăng ký bảo hộ CDDL. Khi có kiện tụng, Tòa án cũng chủ yếu dựa trên trả lời của cơ quan này để đưa ra phán quyết trong việc giải quyết tranh chấp. Điều này dẫn đến sự thiếu công bằng đối với người yêu cầu đăng ký bảo hộ đối tượng SHTT khi họ thực hiện việc khiếu nại hay khởi kiện quyết định của cơ quan đăng ký trong khi chứng cứ mang tính pháp lý lại là kết quả xét nghiệm mang tính chuyên môn của chính cơ quan này đưa ra. Thông tư 01 quy định chung chung “ *Cục SHTT tổ chức đối thoại trực tiếp giữa người thứ ba và người nộp đơn để làm rõ hơn vấn đề có ý kiến phản đối nếu xét thấy cần thiết và có yêu cầu của cả hai bên*” cho thấy đây vẫn là quy định chỉ mang tính hình thức và không khả thi.

Một trong những điểm mới của Luật SHTT so với những quy định trước kia đó là quy định việc hạn chế quyền đối với CDDL nhằm giải quyết xung đột

giữa bảo hộ nhãn hiệu và CDĐL theo các quy định hiện hành của WTO. Có thể nói, vấn đề quan hệ giữa nhãn hiệu và CDĐL chưa được quy định một cách rõ ràng trong Hiệp định TRIPs, đặc biệt là nội dung quyền đối với hai đối tượng này (Điều 16 và 17-quyền và giới hạn đối với nhãn hiệu của TRIPs; Điều 22,23 và 24 -quyền và giới hạn đối với CDĐL của TRIPs). Sự không rõ ràng này đã dẫn đến một cách hiểu và áp dụng có sự khác nhau ở các quốc gia thành viên WTO, đặc biệt là giữa hai nhóm nước Hoa Kỳ, Australia, New Zealand và EU. Theo một phán quyết mới đây của WTO liên quan đến vụ tranh chấp DS174 [38] về kết quả giải quyết tranh chấp giữa hai nhóm nước này về bảo hộ nhãn hiệu và CDĐL, EU phải sửa đổi các quy định về bảo hộ CDĐL của mình theo hướng tôn trọng quyền đối với nhãn hiệu đã được bảo hộ trước. Phán quyết trên được xem là diễn giải chính thức của WTO về mối quan hệ giữa hai đối tượng này. Công văn này khẳng định rằng, khi xem xét bảo hộ một CDĐL, cần phải tính đến quyền đối với nhãn hiệu đã được xác lập trước, nếu việc sử dụng một CDĐL gây nhầm lẫn đáng kể với một nhãn hiệu đang được bảo hộ thì CDĐL đó phải bị từ chối bảo hộ. Các ngoại lệ mà TRIPs đưa ra không được coi là sự cho phép đồng tồn tại một CDĐL và một nhãn hiệu đã có trước (Điều 24 của Hiệp định TRIPs).

Một thực tế đang tồn tại hiện nay, đó là xu hướng “nhãn hiệu hóa” một số tên địa lý gây bất lợi cho các nhà sản xuất trong khu vực có tên CDĐL được bảo hộ như là nhãn hiệu. Có thể lấy ví dụ Bia Sài Gòn, Vang Đà Lạt, bia Hà Nội, kẹo dừa Bến Tre...Điều này sẽ xảy ra sự bất công và vô lý khi có rất nhiều người cùng sản xuất cùng một sản phẩm tại địa phương mà chỉ cấp bảo hộ tên CDĐL như là một nhãn hiệu cho một người chỉ vì người đó đã đăng ký. Trong khi đó, một sản phẩm mang CDĐL trước tiên phải thỏa mãn được chất lượng, tính chất đặc thù, danh tiếng... do nguồn gốc địa lý tạo nên và khi các chủ thể sản xuất đáp ứng được yêu cầu như vậy thì tất cả các chủ thể đều được quyền sử dụng và gắn CDĐL đã được bảo hộ lên sản phẩm.

Điều này dẫn đến một bất cập nếu chúng ta không có quy định chặt chẽ để giải quyết vấn đề này thì thay vì việc sử dụng thuộc về cộng đồng những nhà sản xuất của vùng mang CDDL thì nay chỉ thuộc về cá nhân một người. Hiện nay, kẹo dừa Bến Tre đã được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu, tuy nhiên thực chất đây là đặc sản của cả một vùng và sẽ rất thiệt thòi cho những người Bến Tre khác khi họ không được phép sử dụng CDDL Bến Tre trên sản phẩm do chính họ sản xuất tại địa phương mình chỉ vì CDDL đã thuộc độc quyền của một cá nhân theo quy định của luật nhãn hiệu.

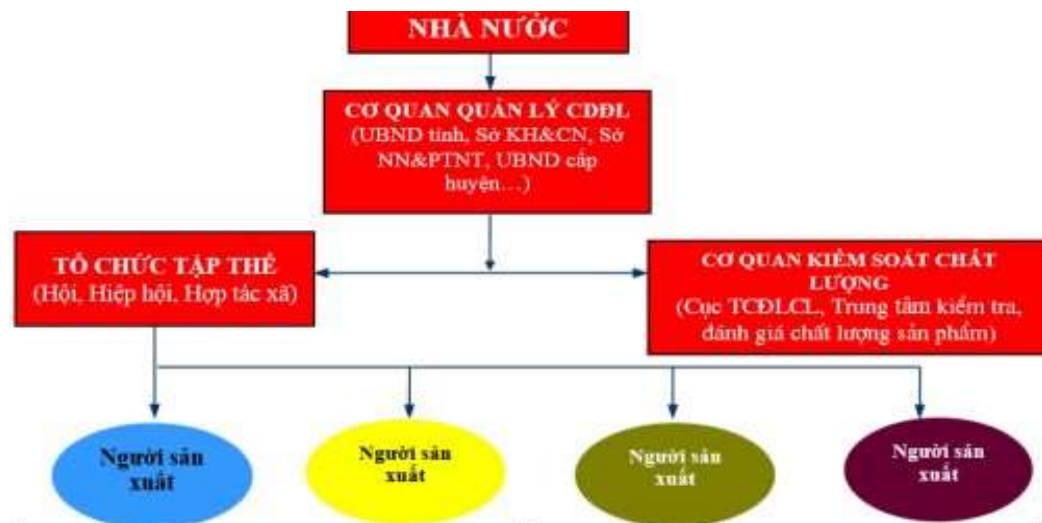
2.2 Thực trạng pháp luật về nội dung quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Chính vì quyền sở hữu CDDL thuộc về Nhà nước nên Nhà nước vẫn kiểm soát việc sử dụng CDDL thông qua hoạt động quản lý CDDL của các Tổ chức quản lý tập thể. Theo quy định tại Luật SHTT, tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn và tính chất, chất lượng đặc thù hoặc danh tiếng tại khu vực địa lý tương ứng với CDDL có quyền sử dụng CDDL.

Đây là một điểm mới của Luật SHTT so với các quy định trước đây để tránh việc sử dụng vô ý thức CDDL đã được bảo hộ, gây thất thoát tài sản quốc gia, người thực hiện quyền đăng ký CDDL không thể trở thành chủ sở hữu CDDL đó.

Người có quyền sử dụng CDDL là các tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động sản xuất hàng hóa mang chỉ dẫn đó tại lãnh thổ quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc địa phương tương ứng, với điều kiện hàng hóa do người đó sản xuất phải bảo đảm uy tín hoặc danh tiếng vốn có của loại hàng hóa đó. Người có quyền sử dụng hợp pháp CDDL được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thông qua việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDDL. Tuy nhiên, dù chủ sở hữu của CDDL thuộc về nhà nước song người có quyền nộp đơn lại thuộc về người sử dụng hoặc tổ chức quản lý tập thể hoặc cơ quan có thẩm quyền [Điều 88 Luật SHTT].

Cá nhân, pháp nhân nước ngoài đang là chủ thể quyền đối với CDDL do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp có quyền nộp đơn yêu cầu Cục SHTT cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng CDDL để sử dụng cho sản phẩm của mình trên thị trường Việt Nam, với điều kiện là CDDL đó đã được cấp bảo hộ tại nước đó. Các cá nhân, pháp nhân nước ngoài thuộc các nước thành viên Công ước Paris hoặc các nước ký kết với Việt Nam các Thỏa thuận bảo hộ lẫn nhau hoặc cùng chấp nhận nguyên tắc có đi có lại trong việc bảo hộ SHCN, nếu thường trú hoặc có đại diện hợp pháp tại Việt Nam, hoặc có cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh thực thụ tại Việt Nam có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho người đại diện sở hữu công nghiệp nộp đơn tên gọi xuất xứ hàng hóa tại Cục SHTT. Nếu cá nhân, pháp nhân nước ngoài đó thông thường trú hoặc không có đại diện hợp pháp, hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh ở Việt Nam thì bắt buộc phải nộp đơn thông qua người đại diện SHCN hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.



Hoạt động quản lý CDDL ở Việt Nam

Tính đến 30/05/2016, theo thống kê của Cục Sở hữu trí tuệ mới có 79 đơn yêu cầu bảo hộ CDDL được nộp tại Việt Nam, trong số đó có 44 Giấy chứng nhận đăng ký CDDL trong nước và 4 Giấy chứng nhận đăng ký CDDL nước

ngoài. Nhiều hồ sơ đang xem xét và có nhiều thiếu sót. Ngoài ra, còn có một số CDDL được bảo hộ dưới dạng nhãn hiệu tập thể. [16]

*Với đặc trưng quyền sở hữu CDDL thuộc về Nhà nước, Nhà nước có thể trực tiếp thực hiện quyền quản lý CDDL hoặc trao quyền quản lý CDDL cho tổ chức đại diện quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDDL đó, còn gọi là Tổ chức quản lý tập thể. Tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn và tính chất, chất lượng đặc thù hoặc danh tiếng tại khu vực địa lý tương ứng với CDDL có quyền sử dụng CDDL. Khác với nhãn hiệu, quyền sử dụng CDDL không thuộc quyền của tổ chức, cá nhân nào mà thuộc quyền sử dụng của tất cả các cơ sở sản xuất, đưa ra thị trường sản phẩm đó, kể cả các cơ sở chế biến và đóng gói với điều kiện đáp ứng tiêu chuẩn về tính chất đặc thù của sản phẩm và điều kiện sản xuất sản phẩm. Vì vậy, để quản lý quyền tài sản chung này, cần có một tổ chức đại diện cho công đồng các chủ thể đó, chẳng hạn Hiệp hội các nhà sản xuất, Hiệp hội các làng nghề, gọi là Tổ chức quản lý tập thể đối với CDDL. Ngoài việc xác định và chứng minh các điều kiện bảo hộ, đăng ký xác lập quyền tổ chức này còn phải quản lý việc thực hiện quyền sử dụng của các thành viên và thực hiện việc bảo vệ CDDL đó chống loại các hành vi xâm phạm quyền từ các bên khác. Nói cách khác, Tổ chức quản lý tập thể đối với CDDL có quyền và trách nhiệm tiến hành mọi hoạt động nhằm xây dựng, kiểm soát việc sử dụng, bảo vệ và phát triển giá trị tài sản mang CDDL.

Cơ quan, tổ chức được trao quyền quản lý CDDL là UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có khu vực địa lý tương ứng với CDDL trong trường hợp CDDL thuộc một địa phương. Trong trường hợp CDDL thuộc nhiều địa phương thì quyền quản lý CDDL đó thuộc về UBND tỉnh, thành phố đại diện theo ủy quyền của các UBND tỉnh, thành phố còn lại. Ngoài ra, quyền quản lý CDDL còn có thể do cơ quan, tổ chức được UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trao quyền với điều kiện cơ quan tổ chức đó đại diện cho quyền lợi

của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDDL. Được coi là tài sản quốc gia, vì thế, để hỗ trợ những cộng đồng chưa đủ điều kiện có tổ chức đại diện của mình, UBND cấp tỉnh có thể thành lập hoặc chỉ định một tổ chức tạm thời thực hiện chức năng của Tổ chức quản lý tập thể đối với CDDL. Tuy nhiên, Hiệp hội các nhà sản xuất, nếu được thành lập sẽ là chủ thể bảo vệ quyền của chính mình một cách thiết thực hơn. Vì vậy, mục tiêu cuối cùng vẫn là phải thành lập một Tổ chức quản lý tập thể đối với CDDL của cộng đồng các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh đặc sản đó.

Thực tế, đa số các CDDL đều đã thành lập hội hoặc hiệp hội. Tuy nhiên, phần lớn các Hiệp hội này vẫn còn lúng túng trong việc quản lý CDDL, họ chỉ đóng vai trò phối hợp chứ chưa thực sự là chủ thể trong quản lý và phát triển CDDL. Do tại các khu vực địa lý, các nhà sản xuất/kinh doanh chưa thể tập trung được nguồn lực để bảo vệ, quản lý và phát triển CDDL của mình. Nên Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương phải đứng ra yêu cầu xác lập quyền cho CDDL (lập hồ sơ và đăng ký) và sau đó cũng đứng ra quản lý CDDL, và do đó Nhà nước phải bỏ ra một chi phí rất lớn.

Từ đó dẫn đến tình trạng các địa phương mới chỉ hoàn thành việc xác lập quyền, trong khi cơ chế và các thao tác quản lý chưa được thiết lập hoặc nếu có thì cũng chưa hoạt động hiệu quả. Điều này dẫn đến hiệu lực và hiệu quả của Văn bằng bảo hộ CDDL chưa được mong muốn.

Trước khi Luật SHTT được ban hành chưa có quy định nào liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Tổ chức quản lý tập thể. Theo đó, tổ chức quản lý tập thể là tổ chức được nhà nước trao quyền quản lý CDDL và là tổ chức đại diện quyền lợi cho tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng CDDL nhưng không được phép tham gia vào việc sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm mang CDDL dưới bất cứ hình thức nào. Ngoài ra, tổ chức này phải có đủ năng lực hoặc khả năng huy động năng lực về con người, phương tiện kỹ thuật và điều

kiện vật chất cần thiết để tiến hành kiểm soát việc sử dụng và phát triển CDDL [Khoản 4 Điều 121 Luật SHTT].

Với chức năng quản lý CDDL nên tổ chức quản lý tập thể có quyền đặc biệt đối với CDDL, đó là quyền cho phép người khác sử dụng CDDL và quyền ngăn cấm người khác sử dụng CDDL. Đây là 2 quyền cơ bản của tổ chức quản lý tập thể. Ngoài ra, họ cũng như các chủ thể quyền SHCN khác có quyền áp dụng một số biện pháp để bảo vệ quyền SHCN đối với CDDL của mình, đó là:

- Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với CDDL;

- Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với CDDL phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại;

- Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với CDDL theo quy định của Luật SHTT và các quy định của pháp luật liên quan;

- Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Trên thực tế, tổ chức quản lý quyền này có thể do các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng CDDL lập ra hoặc một cơ quan quản lý nhà nước được thành lập hoặc được thành lập hoặc được chỉ định để quản lý quyền đối với các đối tượng này nhưng không phải là thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Về bản chất tổ chức này là một tổ chức phi lợi nhuận dựa trên cơ sở kinh phí được cấp từ ngân sách Nhà nước, kinh phí do các tổ chức, cá nhân sử dụng CDDL đóng góp và kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, tổ chức này còn có quyền xây dựng và phê duyệt (nếu tổ chức quản lý CDDL là UBND tỉnh thành phố) hoặc trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy chế sử dụng CDDL. Trong trường hợp Tổ chức quản lý tập thể không phải là UBND tỉnh, thành phố mà là cơ quan, tổ chức đại diện quyền lợi cho người sử dụng CDDL được UBND tỉnh, thành phố trao quyền thì có quyền xây dựng và phê

duyệt quy chế sử dụng CDĐL trong trường hợp được ủy quyền. Nói cách khác, thông qua tổ chức này việc sử dụng CDĐL luôn được kiểm soát sao cho phù hợp với qui chế sử dụng CDĐL đã được ban hành. Đây là một mô hình phổ biến trên thế giới trong việc quản lý CDĐL nhằm đề ra các biện pháp để phát triển uy tín, danh tiếng và giá trị của CDĐL và góp phần chống lại các hành vi xâm phạm quyền đối với CDĐL. Hiện nay, đây vẫn là một mô hình đang được áp dụng phổ biến và thành công tại các nước Châu Âu.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ chức quản lý tập thể được quy định mang tính nguyên tắc. Cụ thể là bảo đảm các sản phẩm mang CDĐL đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đề ra trong bản mô tả sản phẩm và phải bảo đảm tính khách quan và công bằng đối với tất cả các nhà sản xuất và chế biến sản phẩm, thường xuyên có sẵn các nhân viên đủ tiêu chuẩn và các nguồn lực cần thiết để tiến hành việc kiểm tra, kiểm soát sản phẩm.

Do tính đa dạng của các loại sản phẩm mang CDĐL nên quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của các Tổ chức quản lý tập thể đối với CDĐL cũng khác nhau. Vì vậy, Luật SHTT 2005 không thể quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức quản lý tập thể quyền đối với CDĐL mà chỉ quy định mang tính nguyên tắc còn các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc quy chế quản lý từng CDĐL sẽ quy định chi tiết. Hơn nữa, pháp luật Việt Nam không thể quy định việc quản lý quyền đối với CDĐL của nước ngoài một cách chi tiết vì cơ chế quản lý của mỗi nước là khác nhau. Với việc quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức quản lý tập thể về CDĐL, hiện nay chúng ta đang đi theo xu hướng chung với thông lệ của hầu hết các nước trên thế giới theo hệ thống đăng ký CDĐL. Tuy nhiên trên thực tế, Việt Nam đang gặp phải một số khó khăn, đặc biệt là trong trường hợp CDĐL thuộc nhiều địa phương, tổ chức quản lý quyền thuộc tỉnh, thành phố đại diện của một trong các địa phương đó theo thỏa thuận. Tuy nhiên đây là phương án khó khả thi do quyền lợi của việc đăng ký CDĐL mang lại. Vì vậy, Chính phủ sẽ

phải đề ra phương án giải quyết trong trường hợp không thể thỏa thuận để chỉ ra một địa phương đại diện trong việc quản lý CDDL.

Như đã phân tích ở trên, do tính chất của Tổ chức quản lý tập thể là tổ chức hoạt động trên cơ sở kinh doanh do các doanh nghiệp đóng góp. Chính vì vậy, để thuyết phục các doanh nghiệp bỏ kinh phí cho Tổ chức này hoạt động là điều không dễ dàng vì lợi ích của việc bảo hộ không phải có thể nhận biết ngay được. Dẫn đến một thực tế là việc hoạt động của Tổ chức này thường gặp khó khăn về tài chính.

Lấy một ví dụ điển hình là Nước mắm Phú Quốc, Hiệp hội các nhà sản xuất nước mắm Phú Quốc đã được thành lập nhưng vẫn chưa phát huy được vai trò của một tổ chức quản lý tập thể đại diện cho quyền lợi của các nhà sản xuất cũng như chưa đủ khả năng (nhân lực, thiết bị...) để tổ chức triển khai các hoạt động quản lý nội bộ việc sử dụng CDDL của các hội viên. Về mô hình hệ thống quản lý, Bộ Thủy sản đã có quy định về Ban kiểm soát tên gọi xuất xứ nước mắm Phú Quốc đối với tên gọi xuất xứ hàng hóa nước mắm Phú Quốc. Quy định về tổ chức này được ghi trong Quy chế tạm thời về kiểm soát, chứng nhận nước mắm mang tên gọi xuất xứ Phú Quốc (ban hành kèm theo Quyết định số 19/2005/QĐ-BTS ngày 16/5/2005 của Bộ Thủy Sản). Theo đó, Ban kiểm soát tên gọi xuất xứ nước mắm Phú Quốc có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc kiểm tra và kiểm soát nhằm đảm bảo chất lượng và uy tín của sản phẩm nước mắm Phú Quốc. Tuy nhiên, mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của Ban Kiểm soát này cũng còn nhiều điểm chưa hợp lý và không đảm bảo được hiệu quả quản lý trên thực tế như thành phần Ban Kiểm soát lại bao gồm một số cán bộ của Sở Thủy sản và một số người thuộc Hiệp hội dẫn đến tình trạng không có sự phân tách giữa kiểm soát từ bên ngoài và kiểm soát nội bộ. Đây là còn chưa kể đến nội dung quản lý được quy định là quá rộng (bản chất là kiểm soát từ bên ngoài nhưng nội dung quản lý lại giống như một cơ quan kiểm soát

nội bộ) dẫn đến tình trạng không đảm đương hết công việc do nhân lực hạn chế của Ban Kiểm soát.

*Tổ chức, cá nhân sử dụng CDĐL đóng vai trò rất quan trọng về việc tồn tại của CDĐL bởi vì chính họ đã góp phần tạo nên sự khác biệt cho chính sản phẩm mang CDĐL đó. Bởi vì một sản phẩm mang CDĐL được bảo hộ không chỉ thể hiện tính chất đặc thù hoặc danh tiếng liên quan đến điều kiện địa lý tự nhiên mà còn liên quan đến con người của địa phương, khu vực địa lý đó. Thông qua việc sản xuất đúng theo phong cách truyền thống và truyền bá phong cách đó cho thế hệ sau, những người làm nghề được hưởng những quyền lợi mà nhà nước dành cho.

Theo quy định tại Khoản 7 Điều 124 Luật SHTT 2005, quyền “sử dụng” CDĐL được hiểu là quyền gắn CDĐL được bảo hộ lên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh...Đồng thời tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng CDĐL còn có quyền được đưa hàng hóa mang CDĐL vào lưu thông trên thị trường, chào bán, quảng cáo nhằm để bán, tàng trữ để bán hàng hóa có mang CDĐL được bảo hộ. Ngoài ra, người có quyền sử dụng CDĐL còn có quyền nhập khẩu hàng hóa có mang CDĐL được bảo hộ. Đây là trường hợp doanh nhân nước ngoài có quyền sử dụng CDĐL ở nước ngoài muốn nhập khẩu hàng hóa có mang CDĐL của nước họ vào Việt Nam.

Đổi lại, các nhà sản xuất phải làm tròn trách nhiệm riêng của họ, đồng thời họ là những người thay mặt nhà nước dưới hình thức một tổ chức, tổ chức đó đại diện cho nhà sản xuất quản lý CDĐL đó và đảm bảo tính vĩnh cửu cho sản phẩm riêng của họ. Những nhà sản xuất với kinh nghiệm và cách làm đặc biệt của những người sống trong vùng địa lý này là một trong những người duy nhất có thể đánh giá được rằng sản phẩm của họ có đầy đủ các đặc tính và chất lượng riêng có của sản phẩm và những sản phẩm đó có xuất xứ địa lý được công nhận hay không. Chính ý thức về sự tồn tại một đặc sản chung đã thúc đẩy tổ chức đại diện cho các nhà sản xuất đề nghị với cơ quan chức năng của nhà nước yêu cầu

công nhận sản phẩm. Yêu cầu công nhận này sẽ được nhà nước thẩm định, có sự trợ giúp của các chuyên gia trên cơ sở đáp ứng được điều kiện cơ bản đó là được khẳng định một cách thống nhất.

Những quy định pháp luật hiện hành về CDĐL nói chung và các nội dung về đăng ký, quản lý và sử dụng CDĐL vẫn còn khá sơ sài và thiếu một số nội dung quan trọng như: quy trình kiểm soát chất lượng, quy chế quản lý và sử dụng CDĐL... Việc hình thành các Hội và Hiệp hội để thực hiện các chức năng quản lý CDĐL chưa được tập trung đẩy mạnh. Bên cạnh đó trình độ và năng lực quản lý của các tổ chức quản lý CDĐL còn yếu kém và chưa theo kịp được với xu hướng của thời đại.

2.3 Thực trạng thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Do Việt Nam là nước nông nghiệp, cùng với các yếu tố đặc trưng về mặt tự nhiên và con người, nên Việt Nam có nhiều sản phẩm có chất lượng, danh tiếng, tính chất đặc thù và có giá trị kinh tế gắn với các địa danh cụ thể. Tuy có nhiều nông sản nổi tiếng, được nhiều thị trường biết đến nhưng các chủ sở hữu, phần lớn là nông dân, vẫn chưa nhận thức được sự cần thiết của việc đăng ký CDĐL.

Trên thực tế, chúng ta đã nhận được nhiều bài học đau lòng từ việc chưa quan tâm đúng mức đến việc đăng ký CDĐL trong nước cũng như ra nước ngoài. Ví dụ như, năm 1999 kẹo dừa Bến Tre bị làm giả ở Trung Quốc khiến Công ty Đông Á phải trải qua hành trình hơn 10 năm mới lấy lại được tên mình. Bài học kinh nghiệm cho hoạt động quản lý CDĐL tại Việt Nam. Năm 2011, CDĐL cà phê Ban Mê Thuật bị đăng ký bảo hộ ở Trung Quốc buộc Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuật vào cuộc. Nhưng phải đến tháng 2/2014, phía Trung Quốc mới hủy bỏ văn bằng bảo hộ nhãn hiệu Buon Ma Thuot của Công ty Cà phê Buôn Ma Thuật Quảng châu (Trung Quốc). Hay sản phẩm nước mắm Phú Quốc, nước mắm Phan Thiết cũng đang bị một doanh nghiệp đăng ký bảo hộ ở Thái Lan [39].

2.3.1 Xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Mục đích của việc bảo hộ CDDL là để bảo vệ uy tín, danh tiếng của sản phẩm mang CDDL. Vì vậy, về nguyên tắc bất cứ hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại nào gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về xuất xứ thực của sản phẩm liên quan đến một CDDL đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền đối với CDDL đó. Luật SHTT đã quy định theo hướng này và bổ sung các hành vi bị coi là xâm phạm quyền đối với CDDL của rượu vang và rượu mạnh theo yêu cầu của Hiệp định TRIPs, cụ thể là:

- Sử dụng CDDL cho sản phẩm không đáp ứng các tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang CDDL;
- Sử dụng CDDL cho sản phẩm tương tự với sản phẩm mang CDDL nhằm mục đích lợi dụng danh tiếng, uy tín của CDDL;
- Sử dụng bất kỳ chỉ dẫn thương mại nào tương tự với CDDL gây ấn tượng sai lệch về xuất xứ địa lý của hàng hóa, kể cả trong trường hợp đã nêu rõ xuất xứ thật của hàng hóa hoặc sử dụng dưới dạng dịch nghĩa CDDL sang ngôn ngữ khác hoặc sử dụng kèm theo các từ loại, kiểu, dạng, phỏng theo hoặc những từ tương tự như vậy [Khoản 3, Điều 129 Luật SHTT].

Ngoài ra, Luật SHTT còn quy định việc mở rộng bảo hộ đối với CDDL của rượu vang và rượu mạnh. Mọi hành vi sử dụng CDDL của rượu vang và rượu mạnh cho rượu vang và rượu mạnh không có xuất xứ từ khu vực tương ứng với CDDL, kể cả trường hợp có nêu chỉ dẫn về xuất xứ thật của hàng hóa hoặc CDDL được sử dụng dưới dạng dịch nghĩa hoặc được sử dụng kèm theo các từ như “phỏng theo”, “dạng” hoặc những từ tương tự đều bị coi là hành vi xâm phạm bất kể hành vi đó có gây nhầm lẫn trên thực tế hay không.

Hiệp định TRIPs có quy định rõ về các ngoại lệ không bị coi là xâm phạm quyền đối với CDDL. Trong đó, cho phép các Thành viên cho phép công dân hoặc cư dân nước mình được tiếp tục sử dụng hoặc sử dụng theo cách thức tương

tự một CDDL cụ thể về rượu vang hoặc rượu mạnh của Thành viên khác cho hàng hóa hoặc dịch vụ, nếu những người đó đã liên tục sử dụng trong lãnh thổ của mình CDDL đó cho hàng hóa hoặc dịch vụ cùng loại hoặc liên quan trong thời gian ít nhất là mười năm trước ngày 15/4/1994 hoặc sử dụng một cách có thiện chí trước ngày này [Điều 24.4 Hiệp định TRIPs].

Hiện nay, công tác thông kê về tình hình xâm phạm đối với CDDL chưa chính thức được cơ quan quản lý nhà nước thực hiện. Tuy nhiên, từ thực tế các vụ xâm phạm quyền SHCN đối với CDDL, có thể thấy việc xâm phạm quyền đối với CDDL diễn ra khá phổ biến và ngày càng tinh vi. Để các nội dung của quyền SHCN nói chung và quyền SHCN đối với CDDL nói riêng đã được quy định trong các văn bản luật đi vào với cuộc sống, các hệ thống bảo hộ SHCN đã có quy định các biện pháp bảo đảm để người nắm giữ quyền có điều kiện thực hiện các quyền đó. Những biện pháp như vậy, một mặt được quy định rõ trong luật, mặt khác được các cơ quan có thẩm quyền bảo đảm thi hành. Trên thực tế nếu việc thực thi thất bại, các quyền và lợi ích của chủ sở hữu cũng như các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang CDDL dù đã được gìn giữ cẩn thận và phát triển qua thời gian, được phản ánh trong các điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia cũng như được công nhận hoặc khẳng định trong hệ thống SHTT đều vô giá trị.

Việc bảo hộ CDDL chính là để bảo vệ uy tín, danh tiếng của sản phẩm mang các đối tượng này. Vì vậy, về nguyên tắc bất cứ hành vi sử dụng chỉ dẫn nào gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về xuất xứ thực của sản phẩm liên quan đến một CDDL đều bị coi là hành vi xâm phạm đối với CDDL đó. Hiệp định TRIPs đã quy định một cách nguyên tắc các hành vi bị coi là xâm phạm quyền đối với CDDL cùng với các quy định đặc biệt liên quan đến bảo hộ bổ sung cho các CDDL dùng cho rượu vang và rượu mạnh. Vì các yêu cầu của Hiệp định có tính bắt buộc đối với các thành viên của WTO nên pháp luật của các nước thành viên dù bảo hộ CDDL ở hình thức nào đều phải tuân thủ quy định của Hiệp định TRIPs.

Trên thực tế để xác định một hành vi có xâm phạm quyền SHCN đối với CDDL hay không thì cần phải chú ý đến yếu tố xâm phạm quyền có trên sản phẩm, hàng hóa đó có hay không. Thông tư 11/2015/TT-BKHCN ngày 26/6/2015 qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 99 đã quy định khá cụ thể về vấn đề này. Theo đó, căn cứ đánh giá khả năng gây nhầm lẫn của dấu hiệu với CDDL có thể được áp dụng một cách thích hợp tương tự căn cứ đánh giá khả năng gây nhầm lẫn của dấu hiệu với nhãn hiệu được bảo hộ. Việc qui định này có thể tạo điều kiện cho cơ quan chức năng trong việc đánh giá hành vi xâm phạm của bên vi phạm quyền SHCN đối với CDDL. Thông tư cũng hướng dẫn chi tiết sản phẩm, hàng hóa vi phạm có thể là:

(i) Sản phẩm cùng loại mang dấu hiệu trùng với chỉ dẫn địa lý được sản xuất tại địa phương thuộc vùng mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nhưng không đáp ứng điều kiện về chất lượng đặc thù mang chỉ dẫn địa lý đó;

(ii) Sản phẩm cùng loại mang dấu hiệu trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý nhưng không được sản xuất tại địa phương thuộc vùng mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ, kể cả trường hợp sản phẩm đó có các thông số tương ứng về chất lượng, quy trình sản xuất và quản lý sản phẩm;

(iii) Sản phẩm cùng loại mang dấu hiệu trùng hoặc tương tự chỉ dẫn địa lý được sản xuất tại địa phương thuộc vùng mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ và đáp ứng các điều kiện chất lượng đặc thù nhưng tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm đó không được tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý đó cấp phép sử dụng chỉ dẫn địa lý;

(vi) Sản phẩm tương tự mang dấu hiệu trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý nhằm lợi dụng danh tiếng, uy tín của chỉ dẫn địa lý và/hoặc gây hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý của sản phẩm, bất kể nơi sản xuất sản phẩm đó có thuộc vùng mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ hay không.

Điều này phù hợp với qui định của những nước bảo hộ CDDL dưới hình thức nhãn hiệu tập thể và nhãn hiệu chứng nhận, hành vi xâm phạm quyền chính

là hành vi xâm phạm đối với nhãn hiệu: hành vi sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự CDDL.

2.3.2 Các biện pháp bảo đảm thực thi quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

(i) Biện pháp dân sự

Bản chất của xâm phạm quyền SHTT là tranh chấp quyền sở hữu và là quyền dân sự cho nên ở bất kỳ quốc gia nào, các biện pháp dân sự luôn đóng vai trò quan trọng. Hiệp định TRIPs và BTA quy định các biện pháp dân sự bao gồm đầy đủ các chế tài như: buộc chấm dứt hành vi vi phạm; buộc tiêu hủy hàng hóa vi phạm, phương tiện, nguyên vật liệu chủ yếu dùng để sản xuất hàng hóa vi phạm; buộc bồi thường thiệt hại (BTTH); buộc xin lỗi cải chính công khai và biện pháp khẩn cấp tạm thời tiền tố tụng.

Bảo vệ quyền SHCN bằng biện pháp dân sự là phương thức bảo vệ quyền vừa ngăn chặn được hành vi vi phạm, vừa có thể khắc phục được đầy đủ thiệt hại thông qua chế tài BTTH. Ngoài ra, phương thức này cũng là phương thức có thể áp dụng rộng rãi nhất, linh hoạt nhất, bởi cá nhân, tổ chức khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm là có thể khởi kiện để yêu cầu Tòa án bảo vệ.

Với ưu điểm nổi trội như vậy, ở các nước trên thế CDDL ở đây là phương thức được lựa chọn hàng đầu của chủ sở hữu quyền SHTT. Tuy nhiên trên thực tế nó trái ngược với Việt Nam. Chính vì CDDL là một tài sản vô hình, vì vậy người ta không thể yêu cầu đòi lại tài sản đối với loại tài sản này. Thông thường khi bị xâm phạm quyền SHCN đối với CDDL, cá nhân, tổ chức bị vi phạm có thể lựa chọn một trong hai yêu cầu:

- Kiện yêu cầu ngăn chặn hoặc chấm dứt hành vi trái pháp luật đối với hành vi thực hiện quyền SHCN đối với CDDL.

Theo hướng này thì tổ chức quản lý hoặc người sử dụng CDDL chỉ cần đưa ra được những chứng cứ về hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với CDDL của bên bị đơn. Hành vi xâm phạm có thể chưa gây thiệt hại nhưng có nguy cơ

sẽ gây ra thiệt hại cho chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp CDĐL. Tuy nhiên vấn đề người bị xử lý có được thông báo trước hay là sẽ bị áp dụng tức thời các biện pháp xử phạt là một trong những vấn đề chưa được làm rõ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để ngăn chặn kịp thời hành vi xâm phạm có thể gây ra những hậu quả xấu, gây thiệt hại cho nguyên đơn, tòa án có thể ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định tại chương V của Bộ luật tố tụng dân sự 2005 (BLTTDS), tuy nhiên đây là những quy định chung cho các vụ việc dân sự mà chưa đáp ứng được một số yêu cầu của TRIPs và BTA. Theo Luật SHTT 2005 quy định cụ thể điều kiện để chủ thể quyền SHTT có quyền yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp này trong tình trạng khẩn cấp “đang có nguy cơ xảy ra thiệt hại không thể khắc phục được cho chủ thể quyền SHTT; hoặc hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm quyền SHTT có nguy cơ bị tẩu tán hoặc bị tiêu hủy nếu không được bảo vệ kịp thời” (Điều 207 Luật SHTT). Hiệp định TRIPs và Hiệp định BTA đều có yêu cầu chi tiết về biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm đảm bảo thực thi quyền SHTT như sau:

- Áp dụng khi cần thiết phải ngăn chặn hành vi xâm phạm xảy ra và ngăn chặn hàng hóa vào lưu thông thương mại, kể cả hàng hóa nhập khẩu vào lưu thông trong nước và để bảo toàn các chứng cứ về hành vi bị nghi ngờ xâm phạm;

- Áp dụng ngay theo yêu cầu của chủ thể quyền mà không cần nghe ý kiến của bên bị áp dụng trong trường hợp mà bất cứ sự chậm trễ nào cũng có thể gây ra thiệt hại không thể khắc phục được cho bên chủ thể quyền hoặc nếu có nguy cơ rõ ràng rằng chứng cứ đang bị thủ tiêu với điều kiện bên bị áp dụng phải được thông báo không chậm trễ sau khi bị áp dụng các biện pháp tạm thời đó và có quyền khiếu nại để yêu cầu thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp này;

- Áp dụng trước khi khởi kiện, với điều kiện sẽ bị bãi bỏ nếu không khởi kiện thời hạn nhất định.

Trong quá trình thực thi quyền SHTT, việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời như thu giữ, kê biên, niêm phong... là có vai trò cực kỳ quan trọng. Đặc biệt là đối với việc ngăn chặn sự xâm nhập của hàng hóa vi phạm vào thị trường và bảo vệ chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm. Vì lý do này, Hiệp định TRIPs và Hiệp định BTA đều có các quy định cho phép các cơ quan tư pháp được áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời tiền tố tụng. Biện pháp khẩn cấp tạm thời tiền tố tụng là một biện pháp cần thiết để bảo đảm cho chủ sở hữu thực hiện quyền khởi kiện một cách đúng đắn, bởi vì trong nhiều trường hợp nếu không xác minh một số thông tin nhất định thì không thể quyết định khởi kiện và nếu không có chứng cứ thích hợp thì không thể khởi kiện. BLTTDS đã có quy định chi tiết về biện pháp khẩn cấp tạm thời với việc nộp đơn khởi kiện như đã nêu ở trên, tuy nhiên có một điểm không phù hợp với các yêu cầu của TRIPs và BTA là Bộ luật chỉ cho phép yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đồng thời với việc nộp đơn kiện, chứ không phải là trước khi khởi kiện như yêu cầu của TRIPs và BTA. Việc quy định như vậy là vẫn không hoàn toàn phù hợp với quy định của Hiệp định TRIPs (Điều 50 Hiệp định TRIPs). Điều này làm giảm đi phần nào hiệu quả của việc giải quyết tranh chấp về SHTT nói chung và quyền SHCN đối với CDDL nói riêng trong tố tụng dân sự. Theo quy định của Hiệp định TRIPs, việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ được thực hiện trong một thời hạn nhất định, theo yêu cầu của bị đơn lệnh áp dụng biện pháp tạm thời được xem xét lại, trong đó có cả việc nghe bị đơn trình bày ý kiến để đi đến quyết định sửa đổi, hủy bỏ hoặc giữ nguyên biện pháp đó. Nội dung này cũng đã không được quy định trong BLTTDS.

Chế tài dân sự đòi BTTH là chế tài rất quan trọng đối với việc bảo đảm thực thi quyền sở hữu SHTT nói chung và của CDDL nói riêng. Hiệp định TRIPs và BTA yêu cầu phải dành cho cơ quan tố tụng thẩm quyền buộc người xâm phạm BTTH cho chủ thể nắm giữ quyền SHTT dưới hình thức trả một khoản tiền đủ để bù thiệt hại do hành vi xâm phạm gây nên (kể cả các khoản chi

phí tố tụng và chi phí thuê luật sư) và các khoản lợi nhuận nếu chưa được tính vào thiệt hại thực tế; hoặc trả khoản BTTH theo mức luật định. TRIPs cho phép nhưng không bắt buộc dành cho cơ quan tố tụng thẩm quyền buộc BTTH theo mức luật định.

Trên thực tế, ở Việt Nam việc quy định pháp luật về BTTH còn nhiều hạn chế do những quy định về pháp luật BTTH trong trường hợp xâm phạm quyền SHCN thiếu đồng bộ và thiếu khả năng áp dụng trong thực tế. Pháp luật Việt Nam chưa có quy định cụ thể về cách thức xác định thiệt hại để tính mức BTTH ngoài hợp đồng nhưng quy định này chủ yếu vẫn được xây dựng để áp dụng đối với tài sản hữu hình mà quyền SHCN là một loại tài sản vô hình. Do vậy, nếu chỉ căn cứ vào những quy định này để giải quyết bồi thường là không công bằng.

Về nguyên tắc, nguyên đơn có nghĩa vụ chứng minh mức độ thiệt hại thực tế và những hậu quả mà mình phải gánh chịu do hành vi xâm phạm quyền SHCN gây ra. Tuy nhiên, để chứng minh được điều này là không đơn giản, nhất là những thiệt hại về việc giảm sút uy tín do hành vi xâm phạm quyền SHCN gây ra, đặc biệt đối với những uy tín có được từ sản phẩm mang CDĐL được bảo hộ. Đây là một vấn đề hết sức nan giải trong việc xác định BTTH trong các vụ việc giải quyết tranh chấp nói chung và trong các vụ xử lý xâm phạm quyền SHTT nói riêng vì một trong những vấn đề khó khăn, gây lúng túng cho các thẩm phán khi giải quyết tranh chấp về SHTT là do pháp luật chưa có quy định cụ thể về căn cứ xác định mức BTTH do xâm phạm quyền SHTT nên đã không có tiêu chí thống nhất khi xác định mức thiệt hại trong các vụ tranh chấp hoặc xâm phạm quyền SHTT đó. Việc xác định mức thiệt hại trong lĩnh vực SHTT trong nhiều trường hợp là không đơn giản và khó khăn, do vậy bên cạnh các căn cứ xác định thông thường như căn cứ vào “tổng thiệt hại vật chất tính bằng tiền và khoản lợi nhuận mà bị đơn thu được”, Luật SHTT đã quy định cho trường hợp không thể xác định được là “tùy thuộc vào mức độ thiệt hại, nhưng không quá năm trăm triệu đồng”. Đây là một quy định mới và hết sức quan trọng vì đã mở ra khả

năng cho bên bị xâm phạm quyền có quyền yêu cầu tòa án buộc bên xâm phạm phải BTTH cho mình theo mức ấn định trước nhằm giảm bớt gánh nặng cho chủ thể quyền trong việc chứng minh về mức độ thiệt hại trong trường hợp khó xác định, mức bồi thường tối đa không quá 500 triệu đồng như quy định tại Mục C, Khoản 1, Điều 205 của Luật SHTT. Do đó nếu bên bị thiệt hại cho rằng phải được bồi thường ở mức cao hơn thì phải có nghĩa vụ chứng minh được mức thiệt hại cụ thể, nếu không chứng minh được thiệt hại thì chỉ có thể được bồi thường ở mức tối đa như vậy. Trên thực tế, trong các vụ tranh chấp, xâm phạm quyền SHTT xét xử tại tòa dân sự, mức bồi thường về vật chất được xác định trên cơ sở các chứng cứ do bên bị xâm phạm quyền phải đưa ra để chứng minh. Điều này rất dễ gây ra sự lộng quyền và duy ý chí của các thẩm phán trong quá trình xét xử.

Chính vì quy định về BTTH là một trong những ưu thế đặc thù của phương thức kiên dân sự, do vậy những hạn chế trên cùng với chi phí nhiều và mất thời gian theo đuổi vụ kiện khiến người bị xâm phạm không muốn áp dụng biện pháp này. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến việc người bị xâm phạm thường yêu cầu cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp hành chính để xử lý hành vi xâm phạm.

(ii) Biện pháp hành chính

Đây là biện pháp được áp dụng khá phổ biến ở Việt Nam. Khi quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu quyền SHCN đối với CDDL bị xâm phạm thì họ có quyền gửi đơn yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý những người có hành vi vi phạm. Đây cũng là một trong các quyền cơ bản của chủ sở hữu quyền SHCN đối với CDDL. Việc xử lý hành chính đối với những người vi phạm quyền được xác định theo quy định tại 99/2003/NĐ-CP ngày 29/8/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN (Nghị Định 99).

Cơ quan quản lý nhà nước các cấp bao gồm các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp. Các cơ quan này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và

quản lý hoạt động SHCN trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và quản lý hoạt động SHCN trong phạm vi ngành hoặc địa phương mình.

Các cơ quan quản lý Khoa học và Công nghệ của Trung ương và địa phương có trách nhiệm giúp lãnh đạo ngành, địa phương thực hiện việc tổ chức, chỉ đạo và quản lý hoạt động bảo hộ SHCN. Trong đó quan trọng là kiến nghị các biện pháp thi hành các chính sách của nhà nước về SHCN (bao gồm CDDL), phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc bảo vệ các quyền SHCN và xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này. Điều 15 Nghị định 99 qui định rõ thẩm quyền xử phạt của các cơ quan: Thanh tra Khoa học và Công nghệ, QLTT, Hải quan, Công an, UBND cấp tỉnh và huyện trong một số trường hợp cụ thể.

Cơ quan QLTT là một trong những chủ thể được giao nhiệm vụ thực thi quyền SHTT nói chung và đối với CDDL nói riêng. QLTT là lực lượng chuyên trách có chức năng kiểm tra, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại, và các lĩnh vực khác được pháp luật giao; thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật. Như vậy chức năng và vai trò của lực lượng QLTT trong bảo hộ SHCN được quy định rất rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, nhiệm vụ *“chống hàng hóa giả mạo về SHTT”* cũng là một nhiệm vụ hàng đầu. Tuy nhiên, trên thực tế đội ngũ cán bộ QLTT chưa có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao nên dẫn đến hoạt động xử lý xâm phạm quyền đối với CDDL chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Bên cạnh đó, cơ quan thanh tra chuyên ngành SHCN chính thức được đề cập với tư cách là một cơ quan thực thi quyền SHCN bằng biện pháp hành chính. Theo thống kê, số lượng cán bộ thanh tra còn quá ít để thực hiện các hoạt động thanh tra trong lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành khoa học và công nghệ. Như vậy, hầu hết chưa thể có đủ số cán bộ thanh tra chuyên ngành để thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành cho từng lĩnh vực và hầu như phải kiêm nhiệm

lĩnh vực khác. Do đó, việc thanh tra chuyên ngành SHCN tiến hành xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này còn nhiều hạn chế. Chính vì thế, Bộ Khoa học và Công nghệ với tư cách là cơ quan quản lý cao nhất của lực lượng này về chuyên môn phải có những chính sách đào tạo dài hạn và ngắn hạn để tạo ra một đội ngũ các cán bộ Thanh tra chuyên ngành về SHTT nói chung và về CDĐL nói riêng. Nếu đáp ứng được nhu cầu cán bộ thanh tra có chuyên môn về SHCN ở địa phương thì hy vọng sẽ giải quyết được tình trạng vi phạm quyền SHCN đối với CDĐL đang xảy ra rất nhiều tại các địa phương hiện nay.

Như trường hợp CDĐL “Phan Thiết” cho sản phẩm nước mắm được đăng bạ là tài sản quốc gia, được Nhà nước bảo hộ vô thời hạn trên toàn lãnh thổ Việt Nam. UBND tỉnh Bình Thuận là cơ quan quản lý CDĐL “Phan Thiết” dùng cho sản phẩm nước mắm. Ngày 27/11/2009, UBND tỉnh có Thông báo số 256/TB-UBND về việc bảo hộ CDĐL “Phan Thiết” dùng cho sản phẩm nước mắm, trong đó ủy quyền cho Sở KH&CN là cơ quan quản lý CDĐL “Phan Thiết” dùng cho sản phẩm nước mắm. Những tổ chức, cá nhân được Sở Khoa học và Công nghệ Bình Thuận cho phép thì mới được sử dụng CDĐL “Phan Thiết” cho sản phẩm nước mắm của mình. Để triển khai thực hiện các quy định pháp luật về sở hữu công nghiệp, đặc biệt là các quy định về đăng ký, sử dụng CDĐL, từ ngày 09 tháng 7 năm 2013 đến ngày 15 tháng 7 năm 2013, Thanh tra sở đã phối hợp với Phòng Kinh tế thành phố Phan Thiết tiến hành thanh tra việc thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến việc đăng ký, sử dụng CDĐL “Phan Thiết” dùng cho sản phẩm nước mắm đối với 12 cơ sở sản xuất, kinh doanh nước mắm trên địa bàn Phan Thiết theo yêu cầu quản lý. Kết quả thanh tra cho thấy có 10/12 cơ sở sản xuất, kinh doanh đang sử dụng CDĐL “Phan Thiết” dùng cho sản phẩm nước mắm của mình nhưng chưa được Sở Khoa học và Công nghệ cấp phép sử dụng. Qua Thanh tra, Đoàn thanh tra đã phổ biến các quy định pháp luật và chính sách hỗ trợ của tỉnh cũng như các chế tài, xử lý khi vi phạm cho các chủ

cơ sở kinh doanh. Nhờ đó, các chủ cơ sở nâng cao nhận thức trong việc chấp hành các quy định pháp luật về SHCN nói chung và CDĐL nói riêng.

Đối với thẩm quyền xử phạt của cơ quan Hải quan trong thực thi bảo hộ quyền SHTT, đây là thẩm quyền chung của cơ quan hải quan khi thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hải quan tại địa bàn hoạt động của mình trong trường hợp phát hiện ra hành vi có dấu hiệu vi phạm quyền SHTT.

Rượu mạnh Cognac của Pháp đã được đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký CDĐL tại Việt Nam năm 2002. Ngày 8/8/2008, hải quan Tỉnh Lạng Sơn nhận được yêu cầu tạm dừng lô hàng rượu Cognac do công ty Minh Hải nhập từ Trung Quốc, trên sản phẩm có ghi “bottled in Hồng Kong” (đóng chai tại Hong Kong). Ban quản lý rượu Cognac cho biết tiêu chuẩn rượu gắn CDĐL Cognac là sản phẩm phải được đóng chai tại Cognac. Ngày 8/8/2008, hải quan Tỉnh Lạng Sơn nhận được yêu cầu tạm dừng lô rượu Cognac do công ty Minh Hải nhập từ Trung Quốc, trên sản phẩm có ghi “bottled in Hồng Kong” (đóng chai tại Hong Kong) vì đây không phải là sản phẩm được đóng chai tại Cognac. Theo đó chỉ có sản phẩm rượu mạnh được sản xuất ở Pháp có chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với CDĐL đó quyết định mới được dán nhãn mác rượu Cognac. Công ty Hải Minh có hành vi giả mạo sản phẩm rượu Cognac đóng chai tại Cognac, bằng loại rượu có ghi đóng chai tại Hong Kong. Sản phẩm này mang dấu hiệu trùng hoặc tương tự với CDĐL nhưng không được sản xuất tại địa phương thuộc vùng mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ, mà có ghi “bottled in Hồng Kong” (đóng chai tại Hong Kong), trong trường hợp kể cả trường hợp sản phẩm đó có các thông số tương ứng về chất lượng, quy trình sản xuất và quản lý sản phẩm thì đây vẫn là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Hành vi này không chỉ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây tổn hại cho chủ thể quyền đối với đối tượng sở hữu trí tuệ bị xâm phạm, gây thiệt hại đến lợi ích người tiêu dùng trong xã hội và có thể nói là gây tổn hại cho lợi ích của xã hội.

Hiện nay, pháp luật chưa xác định đúng và đủ thẩm quyền của tòa án trong việc xét xử và giải quyết tranh chấp, yêu cầu và khiếu nại liên quan đến quyền SHCN. Bên cạnh thẩm quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để buộc người có hành vi vi phạm phải chấm dứt các hành vi vi phạm, xác định trách nhiệm BTTH và mức bồi thường tòa án có thẩm quyền phán xét về hiệu lực của văn bằng bảo hộ, nghĩa là giải quyết các khiếu kiện hành chính liên quan đến SHCN nhưng thực tế, số lượng các vụ án hành chính nói chung và các vụ án hành chính liên quan tới quyền SHCN nói riêng được thụ lý giải quyết chưa nhiều.

(iii) Biện pháp hình sự

Biện pháp hình sự được áp dụng đối với các tội phạm gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội hoặc tái phạm khi đã bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị kết án nhưng chưa được xóa án tích và được quy định trong Bộ luật Hình sự sửa đổi 2009. Tòa án hình sự có quyền áp dụng các biện pháp chế tài đó là phạt tiền và/hoặc phạt tù, cấm hành nghề, cấm đảm nhiệm chức vụ đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm. Tuy nhiên, việc áp dụng biện pháp chế tài về hành chính hoặc hình sự không loại trừ khả năng áp dụng các biện pháp chế tài khác về dân sự. Cụ thể là việc phạt tiền hoặc phạt tù không loại trừ khả năng áp dụng các chế tài dân sự là bồi thường thiệt hại đã gây ra cho chủ thể nắm giữ quyền.

Theo Điều 61 TRIPs và Điều 14 BTA, các nước phải quy định các thủ tục và chế tài hình sự để áp dụng đối với việc cố tình giả tạo nhãn hiệu hoặc xâm phạm bản quyền với qui mô thương mại Bộ luật Hình sự sửa đổi 2009 cũng có một số quy định đáp ứng yêu cầu bảo hộ tối thiểu trên của Hiệp định trong đó Điều 226- Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đã quy định những chế tài hình phạt tù và phạt tiền cũng như khả năng áp dụng hình phạt cao hơn nếu có tính tiết tãng năng như phạm tội có tổ chức, hoặc phạm tội nhiều lần, hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng. Pháp luật Việt Nam cũng ghi nhận các biện pháp như lệnh giữ, tịch thu, tiêu hủy phù hợp với TRIPs và BTA. Tuy nhiên, việc định tội danh tội

xâm phạm quyền SHCN còn chưa rõ ràng nên trong quá trình thực thi còn nảy sinh nhiều bất cập. Vì vậy cần phải làm rõ các vấn đề sau:

- Ranh giới áp dụng biện pháp hình sự và biện pháp hành chính chưa rõ ràng;
- Bảo đảm tính đúng đắn, công bằng và thỏa đáng khi áp dụng các biện pháp chế tài.

Các quy định của Bộ luật Hình sự sửa đổi 2009 (Điều 171) cũng đã nâng cao mức phạt tiền và phạt tù với các tội danh có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, trên thực tế các chế tài này vẫn chưa đủ sức răn đe các đối tượng vi phạm và việc xử lý hàng giả mạo đối với CDĐL gặp rất nhiều khó khăn. nay, việc phân định rõ ràng hàng giả và hàng xâm phạm quyền SHCN đối với CDĐL vẫn chưa có những hướng dẫn cụ thể gây khó khăn cho các cơ quan thực thi.

Để việc thực thi quyền SHCN đạt hiệu quả, các cơ quan có thẩm quyền cần sửa đổi những quy định còn chồng chéo, chưa thống nhất; tăng nặng mức xử phạt đối với các hành vi SXKD hàng giả, xâm phạm quyền SHTT. Riêng với lĩnh vực thực thi quyền SHTT, cần phải thành lập một cơ quan quốc gia làm đầu mối, điều phối và duy trì sự phối hợp giữa các bộ ngành và doanh nghiệp.

Kết luận Chương 2

Việc bảo hộ CDĐL nhằm mục đích bảo vệ uy tín, danh tiếng của hàng hóa gắn liền tới TGXX, CDĐL và một mục tiêu không thể thiếu là để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Nói cách khác, bảo hộ CDĐL có nghĩa là sự bảo hộ của Nhà nước trên cơ sở pháp luật và cơ chế tương thích quyền SHCN đối với CDĐL trong quá trình khai thác chỉ dẫn đó. Quyền đó có thể bao gồm quyền được ngăn cấm những người không có thẩm quyền sử dụng CDĐL đối với những sản phẩm không có nguồn gốc từ khu vực địa lý đã được bảo hộ hoặc có quyền sử dụng nhưng không tuân theo những tiêu chuẩn đã định về chất lượng. Điều không kém phần quan trọng là việc bảo hộ CDĐL sẽ dẫn đến việc chúng không trở thành tên gọi chung vì trong trường hợp đó chúng đã mất hết tính phân biệt và hậu quả là cũng mất đi sự bảo hộ.

Chương 3
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN
PHÁP LUẬT VỀ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

3.1 Phương hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

3.1.1 Thúc đẩy bảo hộ các sản phẩm nông nghiệp thực phẩm

Trên thực tế, để thúc đẩy bảo hộ các sản phẩm nông nghiệp thực phẩm Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu CDDL đã giao cho các tổ chức tập thể, các nhà sản xuất/kinh doanh quyền khai thác và sử dụng CDDL đó. Nhà nước không phải là chủ thể khai thác và sử dụng trực tiếp các CDDL nhưng vẫn kiểm soát các hoạt động của các chủ thể sử dụng CDDL thông qua các tổ chức nghề quản lý CDDL. Để tạo điều kiện và thúc đẩy các CDDL phát triển mang lại lợi ích cho quốc gia, Nhà nước cần phải có các chính sách hỗ trợ và khuyến khích các tổ chức quản lý CDDL và các chủ thể quyền tham gia gìn giữ tài sản quốc gia.

Đánh giá hoạt động quản lý CDDL của Việt Nam dựa trên thực trạng hoạt động của tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh các sản phẩm mang CDDL, nhân tố được coi là có tính chất quyết định đến sự thành công của việc quản lý CDDL [8].

Nhóm 1: Đối với một số CDDL chưa có tổ chức tập thể, việc quản lý CDDL hầu như chưa được thực hiện. Đối với các CDDL này, việc tiến hành các thủ tục yêu cầu đăng ký bảo hộ quyền SHCN do Cơ quan quản lý nhà nước thực hiện như UBND tỉnh Đắk Lắk (cà phê Buôn Ma Thuột), Sở KH-CN Phú Thọ (bưởi Đoan Hùng), Sở KH-CN Lạng Sơn (hồi Lạng Sơn), Chi cục Tổng cục đo lường chất lượng tỉnh Bình Thuận (nước mắm Phan Thiết), Sở KH-CN Nghệ An (cam Vinh), UBND tỉnh Thái Nguyên (chè Tân Cương), UBND tỉnh Bắc CDDL Lang (vải thiều Lục Ngạn), UBND tỉnh Bạc Liêu (gạo Hồng dân). Điều này

có nghĩa là cơ quan quản lý, lẽ ra phải thực hiện chức năng quản lý bên ngoài lại thực hiện trực tiếp hoạt động liên quan đến CDDL. Chính vì vậy, chưa có hoạt động quản lý nhà nước theo đúng bản chất là quản lý từ bên ngoài đối với các CDDL này. Điều này đã dẫn đến rất nhiều hạn chế, cụ thể là:

- Các CDDL chưa xây dựng được quy trình chuẩn về sản xuất và kinh doanh do không có tổ chức tập thể những nhà sản xuất, kinh doanh của khu vực tham gia. Do vậy, sản phẩm mang CDDL chưa được thực hiện theo một quy trình chuẩn chung, chưa có cơ chế đảm bảo chất lượng đồng đều cho sản phẩm.

- Chưa có cơ quan kiểm soát bên ngoài chất lượng sản phẩm mang CDDL. Cơ quan quản lý nhà nước vừa là chủ thể quản lý, kiểm soát chất lượng đồng thời thực hiện cả những hoạt động như tổ chức tập thể dẫn đến tình trạng không phân biệt hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát ngoại vi chất lượng sản phẩm.

- Chưa triển khai các hoạt động nhằm phát triển các kênh thương mại, các hoạt động quảng bá sản phẩm do đó, chưa tạo ra sự khác biệt về giá trị kinh tế của sản phẩm trước và sau khi CDDL được bảo hộ.

- Chưa có các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về CDDL nên các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm chưa nhận thức rõ vai trò của CDDL trong việc phát triển nâng cao giá trị cho sản phẩm.

- Chưa có CDDL nào triển khai hoạt động cấp quyền sử dụng CDDL, do đó, mặc dù đã được đăng ký bảo hộ nhưng trên thực tế, về mặt pháp lý, chưa nhà sản xuất nào được quyền sử dụng CDDL.

Nhóm 2: CDDL đã thành lập tổ chức tập thể nhưng tổ chức này chưa thực sự tham gia vào quá trình quản lý CDDL. Đó là trường hợp của Hiệp hội thanh long Bình Thuận và Hội nước mắm Phú Quốc. Hiệp hội thanh long Bình Thuận được thành lập từ năm 2003 với mục đích liên kết, hợp tác, hỗ trợ các hộ sản xuất, kinh doanh thanh long nhằm đảm bảo sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, tăng thu nhập cho hội viên. Ngoài ra, Hiệp hội có trách nhiệm phối hợp với Ban Kiểm soát (do Sở KH-CN tỉnh Bình Thuận thành lập) thực hiện việc kiểm

soát chất lượng sản phẩm. Thông thường mô hình quản lý CDĐL hợp lý cần phân bổ một cách cân đối vai trò, trách nhiệm của Cơ quan Kiểm soát và của Tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang CDĐL, từ đó, các hoạt động kiểm soát từ bên ngoài và trong nội bộ được tiến hành song song. Đối với CDĐL Bình Thuận, Hiệp hội hầu như không hình thành cơ cấu kiểm soát nội bộ, không có các nhân viên kiểm soát quá trình trồng, thu hoạch thanh long của các hội viên. Như vậy, hoạt động kiểm tra nội bộ, giám sát hiện trạng sản xuất, kinh doanh lẽ ra phải được thực hiện bởi tổ chức tập thể các nhà sản xuất, kinh doanh nhưng chưa được thực hiện. Điều này dẫn tới hậu quả không xác định được số lượng thực tế thanh long được sản xuất và lưu thông ra thị trường, gây khó khăn cho quá trình kiểm soát, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Đây có thể coi là kết quả trực tiếp của cơ cấu tổ chức hệ thống kiểm soát chất lượng đơn giản, lỏng lẻo, chỉ tập trung vào Ban Kiểm soát mà UBND tỉnh Bình Thuận đã xây dựng. Trên thực tế, hoạt động của Ban Kiểm soát CDĐL Thanh long Bình Thuận cũng bộc lộ nhiều sơ hở như việc trao quyền sử dụng CDĐL (thể hiện bằng việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng CDĐL và giấy phép sử dụng CDĐL) chỉ thực hiện thông qua đánh giá hồ sơ và xem xét hiện trạng sản xuất, lấy mẫu sản phẩm trong vòng 30 ngày mà không có các hoạt động kiểm soát thường xuyên như lập sổ theo dõi hiện trạng canh tác, thu hoạch thực tế của các hộ nông dân...Việc phát hiện sai phạm chủ yếu được thực hiện sau khi sản phẩm đã lưu thông trên thị trường.

Sự tham gia nhiều và sâu của các cơ quan chức năng Nhà nước, nhiều Bộ, Ban ngành trong việc kiểm soát chất lượng đối với nước mắm Phú Quốc làm cho hệ thống trở nên chồng chéo, chồng chéo, chính vì vậy, hiệu quả thực tế vẫn chưa cao. Bên cạnh đó, cũng giống như thanh long Bình Thuận, mô hình vẫn đặt nặng trách nhiệm của Ban Kiểm soát, tất cả các hoạt động kiểm soát hiện trạng sản xuất, chế biến, tình hình kinh doanh, vốn dĩ nên thuộc trách nhiệm kiểm soát nội

bộ của Hiệp hội sản xuất, kinh doanh nước mắm Phú Quốc, hiện nay đều do Ban Kiểm soát đảm nhiệm.

Như vậy, có thể thấy mặc dù Tổ chức tập thể của hai CDDL này được thành lập, tuy nhiên vai trò của họ khá mờ nhạt và không hiệu quả. Trên thực tế, hoạt động của hai tổ chức tập thể này bị hành chính hoá và chính trị hoá, chỉ dừng lại ở các quy định do các Cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương ban hành, hoạt động quản lý bên ngoài và hoạt động quản lý bên trong bị lẫn lộn.

Nhóm 3: Tổ chức tập thể đóng vai trò nòng cốt, xuyên suốt quá trình xây dựng và quản lý CDDL. Đó là trường hợp gạo tám xoan Hải Hậu và vải thiều Thanh Hà.

Hiệp hội gạo tám xoan Hải Hậu được thành lập tháng 10/2005 với mục đích khôi phục lại các giống lúa tám truyền thống, có chất lượng cao dưới sự hỗ trợ của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp. Tiếp đó, Hiệp hội tiến hành nghiên cứu chất lượng đặc thù của gạo tám xoan, xác định điều kiện địa lý đặc trưng ảnh hưởng đến đặc thù chất lượng, từ đó, khoanh vùng khu vực địa lý. Hiệp hội cũng tiến hành nghiên cứu, xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác, chăm bón, thu hoạch và quy trình công nghệ sau thu hoạch kết hợp áp dụng các kinh nghiệm truyền thống với kỹ thuật hiện đại. Hiệp hội phối hợp với các cơ quan chuyên môn xây dựng cơ chế và tổ chức kiểm soát chặt chẽ việc áp dụng quy trình kỹ thuật chuẩn trong canh tác, chế biến gạo tám xoan Hải Hậu.

Sau khi xây dựng và vận hành ổn định hệ thống quản lý, Hiệp hội tiến hành đăng ký CDDL Hải Hậu. Bên cạnh đó, Hiệp hội cũng đã tập hợp những hộ nông dân sản xuất quy mô nhỏ (437 hộ xã viên) tham gia vào thị trường với khối lượng sản phẩm lớn và ổn định (sản xuất 54 ha theo một quy trình, hộ nông dân sản xuất và thương mại cùng chia sẻ rủi ro và lợi nhuận). Nhờ đó, gạo tám xoan Hải Hậu truyền thống đã được khôi phục và có chất lượng đồng nhất khi đưa ra thị trường. Đặc biệt, Hiệp hội đã chủ động tìm kiếm kênh phân phối và tiêu thụ sản phẩm thông qua các đại lý chính thức tại Hà Nội và một số thị trường khác.

Điều này không chỉ giúp người sản xuất yên tâm về đầu ra cho sản phẩm mà còn giúp người tiêu dùng có thể dễ dàng mua được sản phẩm mang chỉ dẫn gạo tám xoan Hải Hậu.

Cũng như vậy, đối với Hiệp hội sản xuất và tiêu thụ vải Thiều Thanh Hà, công việc đầu tiên của Hiệp hội là xây dựng quy trình kỹ thuật tập thể kết hợp giữa kinh nghiệm sản xuất truyền thống của nông dân và những tiến bộ của khoa học kỹ thuật và tổ chức áp dụng quy chế giám sát chất lượng nội bộ từ sản xuất đến tiêu thụ. Năm 2006, với sự hỗ trợ của Tổ chức hỗ trợ kỹ thuật Đức (GTZ), Hiệp hội đã tiến hành các hoạt động nhằm nâng cao năng lực tổ chức và quản lý chất lượng ngành hàng và tiến hành các thủ tục đăng ký CDĐL cho sản phẩm. Sau khi CDĐL Thanh Hà được bảo hộ, Hiệp hội đã triển khai nhiều hoạt động nhằm mở rộng vùng sản xuất, nâng cao sản lượng vải. Sản phẩm vải thiều mang CDĐL đã được xuất khẩu chuyên đầu tiên sang CHLB Đức tháng 6/2007 mở đầu cho xuất khẩu lô hàng 20-25 tấn vải thiều sơ chế, đóng gói với giá cao hơn từ 30 đến 40% giá vải cùng loại đang bán trên thị trường trong nước. Năm 2007, một số công ty đã thu mua lượng vải thiều gấp 8 lần so với năm 2006, góp phần giải quyết khó khăn đầu ra cho vùng vải truyền thống nổi tiếng này.

Mặc dù hai sản phẩm vải thiều Thanh Hà và gạo tám xoan Hải Hậu có số lượng hạn chế vì vậy việc quản lý không quá khó khăn, tuy nhiên thành công bước đầu của các tổ chức tập thể này đã khẳng định vai trò không thể thiếu của tổ chức tập thể trong việc quản lý CDĐL.

3.1.2 Bảo hộ tương thích với điều ước quốc tế

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, CDĐL trở thành một trong những nội dung quan trọng trong Hiệp định EVFTA, Hiệp định TPP. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần phải có những quy định thích ứng mạnh mẽ cả về chính sách bảo hộ, thực thi quyền đối với CDĐL cũng như khai thác, phát huy giá trị của CDĐL trên thực tế.

Thực hiện Hiệp định TRIPs kéo theo đó là toàn bộ hệ thống thực thi của Việt Nam (cả tư pháp và hành chính) đều phải căng hết sức để thực hiện các cam kết về thực thi. Trong khi đó, phần do sự thiếu kinh nghiệm của hệ thống tư pháp, phần do thói quen ngại “kiện tụng” của người dân, gánh nặng thực thi quyền sở hữu trí tuệ vẫn đang đổ dồn về hệ thống các cơ quan hành chính, gây áp lực cho hoạt động của các cơ quan này và gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

Đặc biệt, đàm phán Hiệp định TPP (đã ký 2/2016) có ý nghĩa quan trọng và có thể mở ra cơ hội phát triển mới cho kinh tế đất nước. Tuy nhiên, các nội dung đàm phán bảo hộ SHTT đang hết sức gay gắt, có khả năng tạo sức ép lớn đối với Việt Nam do các đề xuất gia tăng hàm lượng bảo hộ từ phía Hoa Kỳ. Cụ thể là, trong Hiệp định TPP thêm nhiều cam kết trong đó bao gồm CDDL.

Trong khi gia tăng sức ép ở các đối tượng SHTT khác thì đối với CDDL, Hoa Kỳ đề xuất trong TPP là “Bảo hộ CDDL như nhãn hiệu”, có nghĩa là thực hiện bảo hộ theo hướng đơn giản hóa.

Về đề xuất “*Bảo hộ CDDL như nhãn hiệu*”, Việt Nam cần cân nhắc hết sức kỹ lưỡng. Là nước đang phát triển, đạt được TPP với những điều kiện thuận lợi về thuế quan và tiếp cận thị trường các nước các nước phát triển như Mỹ là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, nếu chấp nhận bảo hộ CDDL tương tự hoặc dưới hình thức nhãn hiệu sẽ là một nhượng bộ đối với lợi ích quốc gia. Việt Nam là nước nông nghiệp, có nhiều sản phẩm mang tính đặc thù theo vùng, miền có thể được bảo hộ CDDL, mang lại ưu thế cạnh tranh. Với việc đơn giản hóa thủ tục bảo hộ CDDL sẽ tiềm ẩn nguy cơ các CDDL chưa đăng ký có thể dễ dàng bị các tổ chức/cá nhân chiếm hữu theo nguyên tắc “nộp đơn đầu tiên”. CDDL với các điều kiện bảo hộ đặc thù đã, đang và cần được coi là tài sản chung, thuộc sở hữu cộng đồng dân cư khu vực tương ứng mà nhà nước làm đại diện.

Chính vì vậy, biện pháp cần thiết được coi là hữu hiệu để phát triển và nâng cao chất lượng CDDL Việt Nam là xác lập một hệ thống kiểm định chất lượng quốc gia khi xem xét và công nhận bảo hộ CDDL. Kinh nghiệm của EU

về hệ thống này là rất đáng nghiên cứu và học tập. Chỉ có như vậy, các CDĐL nội địa của Việt Nam mới có thể vượt qua “rào cản kỹ thuật” vào các nước phát triển như EU và “vươn tầm” quốc tế.

3.1.3 Bảo hộ cân bằng lợi ích của chủ thể quyền và xã hội

Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của hệ thống SHTT. Nguyên tắc này được thể hiện xuyên suốt toàn bộ quá trình bảo hộ từ xác lập quyền, khai thác quyền đến thực thi quyền. Trên thực tế, thông qua cơ chế pháp lý nhà nước có thể cân bằng được lợi ích của chủ thể quyền và xã hội nhằm đảm bảo được vị trí của sản phẩm mang CDĐL đã được bảo hộ trên thị trường. Nếu các quy định và chính sách tích cực và rõ ràng sẽ khuyến khích sự sáng tạo và đầu tư cho hoạt động sáng tạo, hạn chế sự lạm dụng độc quyền của các chủ thể quyền và tạo điều kiện cho xã hội được tiếp cận và khai thác những sản phẩm nông nghiệp có chất lượng [40].

Xây dựng và bảo hộ CDĐL cho sản phẩm nông sản hiện nay đang được xem là một hướng đi có hiệu quả nhằm bảo vệ tên tuổi và nâng cao giá trị cho hàng nông sản Việt Nam. Hiện nay, rất nhiều doanh nghiệp và địa phương vẫn chưa nhận thức được vai trò quan trọng của các sản phẩm đặc sản và việc đăng ký bảo hộ CDĐL cho các sản phẩm của họ do đó chưa có ư thúc chủ động xây dựng, khai thác và phát triển sản phẩm mang CDĐL được bảo hộ. Chính vì vậy, nhà nước cần phải có các quy định hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc thành lập hoặc xác định chủ thể quản lý CDĐL rõ ràng để tạo khả năng phát triển cho CDĐL trong tương lai.

Việc quản lý CDĐL là hoạt động tập thể, cho nên muốn hoạt động có hiệu quả cần phải tập hợp thành các tổ chức tập thể, dưới dạng hợp tác xã, hiệp hội các nhà sản xuất với các thành viên là các nhà sản xuất tự nguyện tham gia để phát triển và quản lý CDĐL. Các tổ chức này đóng vai trò đặc biệt quan trọng và là chủ thể chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng và gìn giữ CDĐL.

Bên cạnh hoạt động quản lý CDĐL còn phải ban hành Quy chế quản lý CDĐL qui định chi tiết không chỉ ở khâu sản xuất, từ nguồn nguyên liệu đầu

vào, kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất... mà còn quản lý cả kênh phân phối và tiêu thụ sản phẩm . Vì vậy, ngoài việc kiểm soát nội bộ, hoạt động kiểm soát khi ra thị trường cũng rất quan trọng. Nếu sản phẩm mang CDDL được sản xuất không đảm bảo được chất lượng thì sẽ bị chính người tiêu dùng quay lưng. Điều này sẽ dẫn đến một hậu quả nghiêm trọng là CDDL sẽ mất đi danh tiếng của chính mình.

Nói cách khác, các CDĐL không phải là phương pháp chính giải quyết những khó khăn của phát triển nông thôn. Tuy nhiên, các CDĐL lại có thể là một công cụ độc đáo và hữu ích khi được quản lý đầy đủ nhất là đối với nước nông nghiệp như Việt Nam. Các CDĐL có thể đưa ra một khuôn khổ toàn diện cho phát triển nông thôn vì chúng có thể chứa đựng các khía cạnh hết sức tích cực về phương diện cạnh tranh kinh tế, chủ sở hữu, quản lý môi trường và giá trị văn hóa xã hội.

3.2 Giải pháp hoàn thiện pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, CDĐL trở thành một trong những nội dung quan trọng trong Hiệp định EVFTA và Hiệp định TPP. Điều này đòi hỏi Việt Nam cần phải có những thích ứng mạnh mẽ cả về chính sách bảo hộ, thực thi quyền đối với CDĐL cũng như khai thác, phát huy giá trị của CDĐL trên thực tế.

3.2.1 Sửa đổi bổ sung PL

Khoản 4 Điều 751 Bộ luật dân sự 2005 quy định “*Quyền sở hữu CDĐL thuộc về Nhà nước. Quyền sử dụng CDĐL nhằm chỉ dẫn xuất xứ, nguồn gốc của sản phẩm thuộc về tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện do pháp luật về SHTT quy định*”. Tuy nhiên, Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực vào ngày 01/01/2017 đã không điều chỉnh về SHTT mà giao cho luật chuyên ngành - Luật SHTT 2005. Vì vậy để việc thực hiện luật đạt được hiệu quả thì rất cần có thêm các văn bản hướng dẫn cụ thể về bảo hộ quyền SHTT nói chung và quyền SHCN đối với

CDĐL nói riêng. Về mặt chính sách, các quy định pháp luật của Việt Nam đối với CDĐL chỉ dừng lại ở vấn đề đăng ký và thẩm định hồ sơ đăng ký CDĐL. Tuy nhiên, vấn đề trao quyền sử dụng như thế nào, quản lý CDĐL ra sao thì pháp luật của Việt Nam chưa đề cập đến. Điều này khiến cho các địa phương gặp lúng túng và thiếu nhất quán trong quy trình thực thi quyền đối với CDĐL [9,tr22-24].

(i)Đối với các qui định về xác lập quyền SHCN đối với CDĐL, một trong những khó khăn mà chúng ta gặp phải trong việc bảo hộ CDĐL đó là còn rất nhiều vướng mắc trong việc hoàn thiện hồ sơ đăng ký CDĐL và cơ chế quản lý CDĐL vì một trong những yêu cầu của việc bảo hộ CDĐL là phải tìm ra mối liên hệ giữa điều kiện địa lý tự nhiên với tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng, uy tín sản phẩm. Công việc này đòi hỏi chi phí tốn kém về thời gian và tài chính, đặc biệt một số yếu tố của sản phẩm phải được đánh giá bằng kết quả phân tích trên phòng thí nghiệm. Như vậy, để tạo được bước đột phá trong bảo hộ CDĐL cần phải có sự nỗ lực của cả các cơ quan nhà nước cũng như của các chủ thể có quyền và lợi ích gắn liền với CDĐL. Việc tạo ra cơ chế hỗ trợ trong việc bảo hộ CDĐL không có nghĩa là nhà nước làm thay cho doanh nghiệp hoặc người dân trong công việc lập hồ sơ đăng ký hay quản lý việc khai thác, bảo vệ CDĐL. Thay vì như vậy, nhà nước sẽ đầu tư nghiên cứu để xây dựng những mô hình chuẩn cho việc thiết lập hồ sơ đăng ký CDĐL cũng như mô hình quản lý sản phẩm mang CDĐL. Nói tóm lại, nhà nước cần phải tập trung ban hành những quy định sau: cần ban hành luật riêng cho các đối tượng SHCN trong đó có CDĐL (như Thái lan và Malaysia); ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về trình tự, thủ tục đăng ký CDĐL trong đó xác định rõ trách nhiệm cụ thể của từng chủ thể; qui định chi tiết về hoàn thiện hồ sơ đăng ký CDĐL để tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân khi nộp đơn...

Xu thế chung hiện nay là mở rộng khả năng bảo hộ CDĐL so với bảo hộ tên gọi xuất xứ. Điều này đồng nghĩa với việc giảm nhẹ tiêu chuẩn bảo hộ đối

với CDĐL. Vì vậy, điều kiện bảo hộ CDĐL không đòi hỏi phải chứng minh ảnh hưởng của tất cả các điều kiện địa lý (cả tự nhiên và con người) đến đặc tính của sản phẩm mà chỉ cần sản phẩm đó có đặc tính nào đó về chất lượng hoặc có danh tiếng liên quan đến điều kiện địa lý. Như vậy, yêu cầu tối thiểu để bảo hộ CDĐL là phải chỉ ra được mối liên hệ giữa đặc tính của hàng hóa (về chất lượng, tính chất, hoặc danh tiếng) với điều kiện địa lý (môi trường tự nhiên, con người hoặc kết hợp cả hai yếu tố này). Chính vì vậy, quy định của pháp luật SHTT về điều kiện bảo hộ CDĐL nên có những bổ sung, hướng dẫn thích hợp để tạo điều kiện bảo hộ tối đa, hiệu quả cho các CDĐL của Việt Nam.

(ii) Đối với các quy định về việc khai thác và sử dụng quyền SHCN đối với CDĐL, cần phải quy định cụ thể các quyền và nghĩa vụ của chủ thể quyền, cụ thể:

- Đối với tổ chức quản lý tập thể cần bổ sung quy định trong nhiều trường hợp CDĐL thuộc nhiều địa phương và các địa phương đó lại không thể thỏa thuận thành lập một tổ chức đại diện;
- Bổ sung các quy định nhằm tránh tình trạng “nhãn hiệu hóa” một số tên địa lý với mục đích trục lợi của các tổ chức, cá nhân.
- Bổ sung các quy định chặt chẽ hơn về nghĩa vụ của nhà sản xuất trong việc tự hoàn thiện và bảo đảm quy trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm để có thể đưa ra thị trường sản phẩm có chất lượng ổn định.

Bên cạnh các quy định về bảo hộ CDĐL, Việt Nam cần phải có các quy định về cơ chế kiểm tra chất lượng các sản phẩm đăng ký bảo hộ CDĐL. Biện pháp được coi là hữu hiệu để phát triển và nâng cao chất lượng CDĐL Việt Nam là xác lập một hệ thống kiểm định chất lượng quốc gia khi xem xét và công nhận bảo hộ CDĐL. Kinh nghiệm của EU về hệ thống này là rất đáng nghiên cứu và học tập.

(iii) Đối với các quy định về thực thi quyền SHCN đối với CDĐL vẫn còn mang tính nguyên tắc, không cụ thể và khó vận dụng, do vậy cần hoàn thiện các quy định pháp luật như:

- Hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực thi quyền trong pháp luật hành chính (đơn giản các quy định về điều kiện cho các chủ sở hữu trong khi áp dụng biện pháp kiểm soát biên giới và ban hành văn bản quy định và hướng dẫn chi tiết về hàng giả CDĐL)

- Hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực thi quyền trong pháp luật dân sự (các quy định về các chế tài đủ mạnh để chống lại các hành vi xâm phạm và các biện pháp bảo đảm; các quy định về phần thi hành án trong Bộ luật thi hành án đối với hành vi xâm phạm quyền SHTT);

- Hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực thi quyền SHCN đối với CDĐL trong pháp luật hình sự (tăng mức hình phạt để có tính chất răn đe đối với các vi phạm; các quy định chi tiết về hành vi sản xuất và buôn bán hàng giả về CDĐL)

3.2.2 Nâng cao năng lực cơ chế và nhận thức về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý

Việc nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật của người dân đối với quyền SHCN đối với CDĐL là rất cần thiết. Từ những thực trạng nêu trên để phát triển đồng bộ việc bảo hộ CDĐL, nhà nước phải có những giải pháp cụ thể như:

- Tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước trong việc nâng cao nhận thức của người dân nhằm phát triển và bảo vệ CDĐL, chống lại việc những đặc sản của địa phương ngày càng trở nên hư danh và chống lại những hành vi sản xuất, buôn bán, lưu thông... hàng hóa giả mạo CDĐL. Trong thời gian qua, chúng ta đã thấy có rất nhiều động lực thúc đẩy việc bảo hộ CDĐL, tuy nhiên số lượng CDĐL đã được đăng ký bảo hộ lại là một con số hết sức khiêm tốn. Hơn nữa, đối với những CDĐL đã đăng ký bảo hộ thì hiệu quả của việc bảo hộ cũng chưa cao. Nguyên nhân thứ nhất là do nhận thức về vai trò, ý nghĩa của việc bảo hộ CDĐL của các chủ thể có quyền sử dụng CDĐL cũng như các cơ quan quản lý

nhà nước nơi có CDDL cũng chưa thực sự đầy đủ. Nguyên nhân thứ hai là do niềm tin vào hiệu quả mà việc bảo hộ CDDL mang lại cũng chưa cao do các hành vi giả mạo CDDL chưa bị xử lý một cách có hiệu quả. Do vậy, nhà nước cần phải xây dựng một chương trình tổng thể hỗ trợ xây dựng CDDL với mục tiêu nâng cao nhận thức của các địa phương, doanh nghiệp về bảo hộ SHTT, đặc biệt là CDDL để nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông sản của Việt Nam trên thị trường trong nước và thế giới thông qua việc hỗ trợ xây dựng, khai thác và phát triển CDDL. Không chỉ vậy, nhà nước còn phải tích cực tuyên truyền, phổ biến kiến thức tới cả người tiêu dùng nhằm nâng cao nhận thức và hình thành thói quen đối với việc sử dụng các sản phẩm được bảo hộ CDDL một cách hợp pháp. Ngoài ra, doanh nghiệp cần nhận thức đầy đủ vai trò của mình trong công tác đấu tranh chống các hành vi giả mạo CDDL vì quyền và lợi ích hợp pháp, uy tín và thị phần của doanh nghiệp trên thị trường. Từ đó, doanh nghiệp sẽ có hành động tích cực trong việc hợp tác với các cơ quan chức năng trong cuộc đấu tranh này.

- Tăng cường sự hỗ trợ của nhà nước trong việc đào tạo về CDDL bởi hệ thống bảo hộ CDDL là một công cụ mới đối với nước ta. Việc đào tạo về phương pháp phân tích bằng cảm quan và hệ thống bảo hộ CDDL cũng như phổ biến kiến thức rộng rãi về khái niệm CDDL, điều kiện bảo hộ, quy trình bảo hộ, giá trị do bảo hộ CDDL mang lại là một công việc đòi hỏi sự nghiêm túc và cấp thiết. Việc đào tạo này không chỉ thực hiện với các đối tượng quản lý mà còn đối với cả nông dân, những người trực tiếp sản xuất. Hiện nay một trong những khó khăn lớn của Việt Nam là việc tập hợp những nhà sản xuất là rất khó do thói quen sản xuất tự phát, manh mún, và thiếu tập trung cùng với sự thiếu kiến thức về CDDL do vậy cần phải tổ chức tập huấn, đào tạo dưới mọi hình thức nhằm tăng cường hiểu biết của họ về sản phẩm mang CDDL được bảo hộ.

- Nhà nước cũng cần có cơ chế thông thoáng để tạo điều kiện và khuyến khích thành lập các hiệp hội ngành nghề sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang

CDDL vì thực tiễn cho thấy, quản lý CDDL thông qua các hiệp hội là phương thức có hiệu quả nhất, bởi vì đó chính là tổ chức đại diện cho quyền lợi của những người sản xuất, kinh doanh sản phẩm mang CDDL do chính họ thành lập và quản lý.

- Tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước về nguồn lực để đánh giá sự cần thiết và các điều kiện bảo hộ cũng như kiểm soát chất lượng đối với sản phẩm mang CDDL. Đây là công việc hết sức cần thiết do đặc trưng của sản phẩm mang CDDL nên chúng thường xuyên bị làm giả và thời gian qua ít nhiều người sản xuất đã thấy được sự cần thiết phải có khả năng bảo hộ pháp lý đối với tên gọi sản phẩm. Tuy nhiên, người sản xuất thường không biết sản phẩm của mình có đủ điều kiện để được bảo hộ không. Bên cạnh đó, họ chưa ý thức sâu sắc về việc đảm bảo và ổn định chất lượng sản phẩm và chưa biết cách thành lập ra một hội đại diện cho mình, tổ chức hoạt động để thực hiện chức năng quản lý tập thể đối với sản phẩm chung, tiến hành công việc xác định và chứng minh các điều kiện bảo hộ, kiểm soát việc sử dụng CDDL.

- Cần phải sớm đề ra giải pháp phát triển thị trường cho hàng nông sản Việt Nam. Trước hết cần phải tạo ra sản phẩm tốt và ổn định bằng cách cải tạo giống cây trồng có chất lượng cao, đồng thời hoàn thiện công nghệ thu hoạch.

Qua đó có thể thấy, việc tạo dựng, xác lập quyền SHTT cho sản phẩm đặc sản của địa phương mới chỉ là bước đầu. Để phát huy được giá trị tài sản trí tuệ, cần phải xây dựng và vận hành hệ thống công cụ SHTT, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, góp phần nâng cao năng suất, bảo đảm chất lượng sản phẩm, khẳng định uy tín, thương hiệu, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Kết luận Chương 3

Pháp luật Việt Nam về bảo hộ CDDL là tương đối đầy đủ, tuy nhiên Việt Nam còn thiếu quy định về cơ chế kiểm tra chất lượng các sản phẩm được bảo hộ CDDL, làm cho các CDDL nội địa không khẳng định được chất lượng ổn

định, kém sức cạnh tranh. Biện pháp được coi là hữu hiệu để phát triển bảo hộ CDDL Việt Nam tại các nước khác là xác lập một hệ thống kiểm định chất lượng quốc gia khi xem xét và công nhận bảo hộ CDDL trong nước, từng bước nâng cao chất lượng của hệ thống này, Chỉ có như vậy, các CDDL nội địa của Việt Nam mới có thể xuất hiện nhiều và phát triển mạnh ở các nước trên thế giới.

KẾT LUẬN

Quyền SHCN đối với CDĐL là một trong những quyền SHTT được hơn 165 nước thành viên của WTO công nhận thông qua Hiệp định TRIPs. Vì vậy, CDĐL luôn được xem là công cụ marketing hữu hiệu là tài sản quý của dân tộc. Một chế độ bảo hộ pháp lý thích hợp các CDĐL sẽ góp phần nâng cao giá trị thương mại của hàng hóa xuất khẩu Việt Nam và góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa và tri thức truyền thống của dân tộc kết tinh trong những hàng hóa này. Tuy nhiên trên thực tế ở Việt Nam, CDĐL vẫn là một tiềm năng chưa được khai thác triệt để.

Trên thế giới, mỗi quốc gia, tùy thuộc vào thế mạnh riêng và lợi ích cụ thể của quốc gia mình mà đã có thái độ khác nhau đối với việc bảo hộ CDĐL. Đối với nước nông nghiệp đang phát triển như Việt Nam, CDĐL có thể được coi là một loại tài sản trí tuệ tiềm năng và rất có giá trị. Với những điều kiện đặc thù để được công nhận và bảo hộ, CDĐL đóng vai trò đảm bảo rằng sản phẩm mang CDĐL có được chất lượng nhất định theo phương pháp sản xuất truyền thống hoặc có được nhờ xuất xứ địa lý vùng miền. Chính vì lý do này, sản phẩm mang CDĐL đồng nghĩa với sản phẩm được công nhận và đảm bảo về chất lượng và do vậy thường mang tính cạnh tranh cao hơn các sản phẩm chỉ mang nhãn hiệu thông thường. Điều này lý giải tại sao Việt Nam cần phải có định hướng rõ ràng để tập trung thúc đẩy hơn nữa việc bảo hộ SHCN đối với CDĐL không chỉ ở Việt Nam mà còn ở các nước trong khu vực.

Các quy định pháp luật về bảo hộ SHCN đối với CDĐL của Việt Nam về cơ bản là tương đối phù hợp với thông lệ quốc tế trong lĩnh vực này. Nhưng bên cạnh đó, hiện nay vướng mắc nhất của chúng ta là việc đưa các quy định về bảo hộ quyền SHCN nói chung và CDĐL nói riêng áp dụng vào đời sống thực tiễn. Trong điều kiện ngày càng mở rộng hội nhập kinh tế thế giới và khu vực, với những cam kết về lĩnh vực SHTT trong khuôn khổ mở rộng quan hệ thương mại

với các nước thì việc cải thiện môi trường và các điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ các cam kết là những vấn đề hết sức quan trọng đối với việc phát triển đầu tư sản xuất và thương mại của nước ta hiện nay cũng như trong tương lai.

Với mục tiêu nghiên cứu một cách có hệ thống những quy định của pháp luật Việt Nam về bảo hộ CDĐL, sự tương thích của các quy định này so với các quy định của các điều ước quốc tế có liên quan, tác giả đã cố gắng trong việc nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích và so sánh để đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật Việt nam hiện hành về bảo hộ quyền SHCN đối với CDĐL.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP (2016), Hội thảo chỉ dẫn địa lý và những cam kết trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam –EU (EVFTA).
2. Cục SHTT (2015), Báo cáo thường niên hoạt động SHTT
3. Cục SHTT (2016), Hội thảo pháp luật về chỉ dẫn địa lý, Sơn La
4. Cục SHTT (2016), Hội thảo pháp luật về chỉ dẫn địa lý, Nghệ An
5. Lê Thị Thu Hà (2010), Một số lý thuyết kinh tế và cơ sở áp dụng cho hoạt động bảo hộ CDĐL, Tạp chí kinh tế đối ngoại 39/2009
6. Lê Thị Thu Hà (2010), Quản lý CDĐL ở VN nhìn từ góc độ kinh nghiệm của CH Pháp, Tạp chí kinh tế đối ngoại 41/2010
7. Lê Thị Thu Hà (2010), Bảo hộ CDĐL dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận, nghiên cứu kinh nghiệm của Hoa kỳ, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp 8/2010
8. Lê Thị Thu Hà (2010), Luận Án tiến sỹ kinh tế, Bảo hộ quyền SHCN dưới góc độ thương mại đối với CDĐL của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế;
9. Phạm Thị Hiền-Chu Thị Thanh An(2015), “Bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại liên minh Châu Âu và cơ hội cho Việt Nam”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số12/2015, tr.25-33;
10. Bùi Thị Huyền (2010) , “Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại theo quy định của pháp luật Việt Nam”, Đại học Luật;
11. Lưu Đức Thanh (2007), Tiềm năng xây dựng CDĐL và những khó khăn trong việc bảo hộ, Tạp chí hoạt động khoa học, số đặc biệt tháng 7, tr.22;
12. Đỗ Thị Minh Thủy (2014), Giải quyết tranh chấp về bảo hộ quyền SHTT theo cơ chế WTO, Viện khoa học và xã hội
13. Phạm Thanh Tuấn (2007), Luận văn Thạc sỹ luật học, Đăng ký, quản lý và sử dụng CDĐL ở Việt Nam, Hà Nội;

- 14.VCCI (2015), Báo cáo rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU về Sở hữu trí tuệ;
- 15.Vũ Thị Hải Yến (2006), Các qui định của Hiệp định TRIPs về chỉ dẫn địa lý, Tạp chí luật học, số 11/2006, tr.58-65;
- 16.Vũ Thị Hải Yến (2008), Bàn về điều kiện bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong luật sở hữu trí tuệ năm 2006, Tạp chí luật học, số 5/2008, tr.45-53;
- 17.Vũ Thị Hải Yến (2008), Luật án Tiên sỹ luật học, Bảo hộ CDDL ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, Hà Nội,;
- 18.Vũ Thị Hải Yến (2016), Bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý theo quy định của Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 2/2016, tr. 62-71;
- 19.Bukhart Goebeln (2003), “Geographical indication and trademark – the way from Doha”, *The INTA Bulletin*, New York. JPO (2000), *Intellectual Property rights* (2000), Japan;
- 20.Edgardo Bourgoing (2003), “Everything you always wanted to know about GIs”, *The INTA Bulletin*, New York;
- 21.Irene Calboli (2006), Expanding the Protection of Geographical Indications of Origin under TRIPS: Old Debate or New Opportunity, Texas A&M University School of Law
- 22.Sergio Escudero (2001), *International Protection of Geographical indications and developing countries*, WTO;
- 23.WIPO (2001), “*What is geographical indication*”, “*The Protection of GIs*”, “*Symposium on the international protection of GIs*”, Geneva.
- 24.<http://ec.europa.eu/agriculture/quality/door/list.html>
- 25.<http://ec.europa.eu/agriculture/markets/wine/ebacchus/index.cfm?&language=EN>
- 26.<http://ec.europa.eu/agriculture/spirits/>

27. <http://thanhtra.most.gov.vn/vi/article/b-o-h-ch-d-n-d-a-ly-nhin-t-goc-d-n-c-dang-phat-tri-n>
28. <http://www.uspto.gov/trademark>-Cơ quan sáng chế và nhãn hiệu Mỹ
29. <http://www.wipo.int/portal/en/index.html> -Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)
30. <http://www.wto.org>-Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)
31. <https://www.tmdn.org/tmview/welcome>
32. https://www.wto.org/english/tratop_e/trips_e/t_agm3b_e.htm#3
<http://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A31992R2081>
33. <http://www.chinatrado.com/about/laws1.html>
34. http://www.ipthailand.go.th/en/index.php?option=com_docman&task=cat_view&gid=114&Itemid=169
35. <http://www.myipo.gov.my/documents/10192/2322945/GEOGRAPHICAL%20INDICATIONS%20%28AMENDMENT%29%20REGULATIONS%202013.pdf>
36. http://www.wipo.int/treaties/en/text.jsp?file_id=288514#P213_35515
37. https://www.wto.org/english/tratop_e/dispu_e/cases_e/ds174_e.htm
38. <http://www.kinhtenongthon.com.vn/Xay-dung-chi-dan-dia-ly-Nha-nuoc-can-ho-tro-106-52058.html>
39. http://www.phapluatsohuutritue.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=136:canbangloiiich&catid=54&Itemid=179